

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001-2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: VĂN HÓA DU LỊCH

Sinh viên : Lê Thị Bôn

Người hướng dẫn : TS. Tạ Duy Trinh

HẢI PHÒNG - 2009

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TR- ỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**XÂY DỰNG CHÙA LINH SƠN VÀ MỘT SỐ DI TÍCH
LỊCH SỬ - CÔNG TRÌNH VĂN HOÁ PHỤ CẬN
TRỞ THÀNH TRỌNG ĐIỂM DU LỊCH
HUYỆN KIẾN THUY**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: VĂN HÓA DU LỊCH**

**Sinh viên : Lê Thị Bồn
Ng- ời h- ớng dẫn : TS. Tạ Duy Trinh**

HẢI PHÒNG - 2009

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TR- ỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Lê Thị Bồn

Mã số: 090388

Lớp: VH 903

Ngành: Văn hóa du lịch

Tên đề tài: Xây dựng chùa Linh Sơn và một số di tích lịch sử -
công trình văn hoá phụ cận trở thành trọng điểm du lịch
huyện Kiến Thụy

MỤC LỤC

	Trang
LỜI MỞ ĐẦU	
1. Tính cấp thiết của đề tài.....	01
2. Lịch sử nghiên cứu của vấn đề.....	01
3. Mục đích nghiên cứu của khoá luận.....	02
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của khoá luận.....	02
5. Phương pháp nghiên cứu.....	02
6. Nguồn tư liệu của khoá luận.....	03
7. Đóng góp của khoá luận.....	03
8. Kết cấu của khoá luận.....	03
CHƯƠNG I: MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ DU LỊCH VÀ DU LỊCH VĂN HÓA.	
1.1. Khái niệm về du lịch.....	04
1.2. Các loại hình du lịch.....	05
1.2.1. Du lịch thiên nhiên.....	05
1.2.2. Du lịch văn hóa.....	06
1.3. Sự tác động của du lịch với các lĩnh vực khác.....	07
1.3.1. Sự tác động của du lịch đối với xã hội.....	07
1.3.2. Sự tác động của du lịch đối với văn hóa.....	08
1.3.3. Sự tác động của du lịch đối với môi trường.....	11
1.3.4. Sự tác động của du lịch đối với kinh tế.....	11
1.4. Tài nguyên du lịch.....	12
1.4.1. Khái niệm tài nguyên du lịch.....	12
1.4.2. Phân loại tài nguyên du lịch.....	14
1.4.2.1. Tài nguyên du lịch tự nhiên.....	14
1.4.2.2. Tài nguyên du lịch nhân văn.....	17

CHƯƠNG II: GIỚI THIỆU VỀ KIẾN THUY VÀ TIỀM NĂNG DU LỊCH CỦA HUYỆN.

2.1. Khái quát về thành phố Hải Phòng.....	21
2.2. Một số nét về huyện Kiến Thụy.....	23
2.2.1. Đơn vị hành chính.....	23
2.2.2. Điều kiện tự nhiên- dân cư.....	23
2.2.3. Lịch sử văn hoá- xã hội- kinh tế.....	26
2.3. Tiềm năng du lịch văn hóa huyện Kiến Thụy.....	31
2.3.1. Di tích lịch sử văn hóa:.....	31
2.3.1.1. Đền Mỗ.....	31
2.3.1.2. Chùa Trà Phương.....	32
2.3.1.3. Từ đường họ Mạc.....	35
2.3.1.4. Đình Kim Sơn.....	38
2.3.1.5. Chùa Lạng Côn.....	39
2.3.2. Lễ hội:.....	40
2.3.2.1. Lễ hội vật cầu Kim Sơn.....	40
2.3.2.2. Hội thề chùa Hòa Liễu.....	42
2.3.2.3. Lễ rước lợn Ông Bò.....	42
2.3.3. Làng nghề.....	44
2.3.4. Âm thực.....	45

CHƯƠNG III: TIỀM NĂNG VÀ HIỆN TRẠNG CHÙA LINH SƠN VÀ CÁC DI TÍCH LỊCH SỬ- CÔNG TRÌNH VĂN HÓA PHỤ CẬN.

3.1. Tiềm năng và hiện trạng.....	46
3.1.1. Chùa Linh Sơn.....	46
3.1.2. Tượng Di Lạc bên bờ sông Đa Độ.....	50

3.1.3. Văn Miếu Xuân La.....	51
3.1.4. Tượng Kim Sơn kháng Nhật.....	54
3.1.5. Một số ngôi chùa lân cận.....	56
3.1.6. Một số công trình văn hóa khác.....	56
+ Nhà sàn và tượng cô gái miền biển.....	56
+ Lầu Rồng và tượng 18 con Rồng trám sứ của 9 bến thuyền.....	56
3.2. Đánh giá chung về hiện trạng khai thác chùa Linh Sơn và các di tích lịch sử- công trình văn hóa phụ cận cho hoạt động du lịch.....	57

CHƯƠNG IV: XÂY DỰNG CHÙA LINH SƠN VÀ CÁC DI TÍCH LỊCH SỬ- CÔNG TRÌNH VĂN HÓA PHỤ CẬN TRỞ THÀNH TRỌNG ĐIỂM DU LỊCH HUYỆN KIẾN THUY

4.1. Định hướng phát triển kinh tế xã hội và du lịch Hải Phòng và huyện Kiến Thụy trong thời gian tới.....	61
4.1.1 Đối với thành phố Hải Phòng.....	61
4.1.2 Đối với huyện Kiến Thụy.....	62
4.2. Một số giải pháp lớn nhằm xây dựng chùa Linh Sơn và các di tích lịch sử- công trình văn hóa phụ cận trở thành trọng điểm du lịch huyện Kiến Thụy.....	63
4.2.1. Xây dựng, quy hoạch phát triển du lịch huyện Kiến Thụy và xác định rõ trọng điểm.....	63
4.2.2. Xây dựng chùa Linh Sơn và các di tích lịch sử- công trình văn hóa phụ cận trở thành trọng điểm du lịch của huyện.....	67
4.2.3. Tiếp tục đầu tư cơ sở hạ tầng cho trọng điểm du lịch trên của huyện.....	68
4.2.4. Xây dựng một số tuyến du lịch chính trên địa bàn huyện nối với các trọng điểm du lịch.....	70

4.2.5. Quảng bá cho trọng điểm du lịch của huyện.....	73
4.2.6. Tổ chức dịch vụ du lịch tại trọng điểm du lịch của huyện.....	74
4.2.7. Đào tạo lao động dịch vụ du lịch và giáo dục người dân địa phương về phát triển du lịch.....	75
4.3. Một số kiến nghị.....	76
Kết luận.....	78
Phụ lục.	

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài.

Trong đà phát triển của nền kinh tế, du lịch đang trở thành một ngành kinh tế quan trọng, góp phần lớn vào sự phát triển của đất nước. Con số 4.253.704 lượt khách quốc tế đến Việt Nam năm 2008 đã nói lên điều đó. Đặc biệt, trên thế giới, khi du lịch trở thành nhu cầu giải trí không thể thiếu của con người thì du lịch Việt Nam càng có nhiều cơ hội để phát triển.

Trong vài năm trở lại đây, đã và đang hình thành tour du lịch theo hệ thống các di tích lịch sử- công trình văn hóa, lễ hội truyền thống. Tuy nhiên cũng đã xảy ra tình trạng nhiều tuyến du lịch với các di tích, lễ hội quá quen thuộc, không còn sức hấp dẫn mạnh mẽ với du khách, cùng với sự khai thác quá mức, đang làm giảm dần giá trị của nhkững tài nguyên đó. Trong khi có một nghịch lý là nhiều tuyến du lịch với những di tích và lễ hội độc đáo thì lại chưa được khai thác phục vụ du lịch.

Khu vực huyện Kiến Thụy- Hải Phòng đang là nơi có nhiều tiềm năng để phát triển nhiều loại hình du lịch, song lại chưa được chú trọng đầu tư. Huyện có sông , có núi, lại có nhiều di tích lịch sử, văn hóa, đây là những lợi thế quan trọng để huyện phát triển ngành du lịch. Chính vì thế, các tiềm năng về du lịch của huyện cần được khai thác để xây dựng thành những điểm du lịch lớn của thành phố.

Trong thời gian gần đây, nhiều di tích, công trình mới được xây dựng thêm, như chùa Linh Sơn và một số di tích, công trình gần đó song lại chưa được nhiều người biết đến. Vì vậy em đã chọn đề tài “ Xây dựng chùa Linh Sơn và một số di tích lịch sử- công trình văn hóa phụ cận trở thành trọng điểm du lịch huyện Kiến Thụy” để làm đề tài khóa luận bảo vệ tốt nghiệp Đại học. Với mong muốn sẽ giới thiệu được các tiềm năng du lịch của những điểm này, và đánh giá đúng về giá trị của chúng.

2. Mục đích nghiên cứu của khóa luận.

Với tiêu đề : “ Xây dựng chùa Linh Sơn và các di tích lịch sử- công trình văn hóa phụ cận trở thành trọng điểm du lịch huyện Kiến Thụy”, khóa luận nhằm mục đích sau:

- Đánh giá tiềm năng và những giá trị của chùa Linh Sơn và các di tích lịch sử- công trình văn hóa phụ cận đối với việc phát triển du lịch ở huyện Kiến Thụy.
- Đề xuất xây dựng chùa Linh Sơn và các di tích lịch sử- công trình văn hoá phụ cận trở thành trọng điểm huyện Kiến Thụy để tập trung đầu tư mọi nguồn lực phát triển các điểm du lịch này, đem lại hiệu quả cao cho ngành du lịch huyện.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của khóa luận

+ Đối tượng nghiên cứu: Chùa Linh Sơn và các di tích lịch sử- công trình văn hóa phụ cận.

+ Phạm vi nghiên cứu:

- Về không gian: Khóa luận nghiên cứu chùa Linh Sơn và các di tích lịch sử- công trình văn hóa phụ cận.
- Về thời gian: Khóa luận nghiên cứu các di tích, công trình còn tồn tại đến ngày nay.

4. Phương pháp nghiên cứu của khóa luận.

Khóa luận được thực hiện bằng các phương pháp sau:

- Phương pháp quan sát: Bằng việc đi thực tế, trực tiếp đến quan sát các di tích, các công trình để thu thập thông tin.
- Phương pháp thống kê, thống kê.
- Phương pháp điều tra xã hội học.

5. Nguồn tư liệu của khóa luận.

Nguồn tư liệu chính của khóa luận là tư liệu điền dã tại địa phương, ngoài ra , còn kế thừa những kết quả nghiên cứu về các di tích khu vực huyện Kiến Thụy đã được công bố.

6. Đóng góp của khóa luận.

Khóa luận giới thiệu một số di tích, công trình mới được xây dựng trong thời gian gần đây, đánh giá về giá trị, tiềm năng của chúng đối với sự phát triển du lịch của huyện. Đồng thời đề xuất các phương pháp nhằm khai thác có hiệu quả các di tích, công trình này phục vụ du lịch.

7. Kết cấu của khóa luận.

Khóa luận được chia thành 4 chương:

Chương 1: Một số vấn đề về du lịch và du lịch văn hóa.

Chương 2: Giới thiệu về huyện Kiến Thụy và tiềm năng du lịch của huyện

Chương 3: Tiềm năng và hiện trạng chùa Linh Sơn và các di tích lịch sử- công trình văn hóa phụ cận.

Chương 4: Xây dựng chùa Linh Sơn và các di tích lịch sử- công trình văn hóa phụ cận trở thành trọng điểm du lịch huyện Kiến Thụy

CHƯƠNG I: MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ DU LỊCH VÀ DU LỊCH VĂN HÓA

1.1. Khái niệm về du lịch

Một chuyên gia về du lịch đã nhận định: " Đối với du lịch, có bao nhiêu tác giả nghiên cứu thì có bấy nhiêu định nghĩa"

Trong số những học giả đ- a ra định nghĩa ngắn gọn nhất(tuy không phải là đơn giản nhất) phải kể đến Ausher và Nguyễn Khắc Viện. Theo Ausher thì “Du lịch là nghệ thuật đi chơi của các cá nhân”, còn viện sỹ Nguyễn Khắc Viện lại quan niệm rằng du lịch là sự mở rộng không gian văn hoá của con ng- ời. Trong các từ điển tiếng Việt, du lịch đ- ọc giải thích là đi chơi cho biết sứ ng- ời.

Năm 1963 với mục đích quốc tế hoá, tại hội nghị Liên hợp quốc họp về du lịch ở Roma, các chuyên gia đã đ- a ra định nghĩa về du lịch: " Du lịch là tổng hợp các mối quan hệ, hiện t- ượng và các hoạt động kinh tế bắt nguồn từ các cuộc hành trình và l- u trú của cá nhân hay tập thể ở bên ngoài nơi ở th- ờng xuyên của họ hay ngoài n- ớc họ với mục đích hoà bình. Nơi họ đến l- u trú không phải nơi lam việc của họ".

Khác với quan điểm trên, các nhà học giả biên soạn Bách khoa toàn th- Việt Nam lại tách ra thành 2 nội dung cơ bản của du lịch thành 2 phần riêng biệt. Theo các chuyên gia này, nghĩa thứ nhất của từ này là một dạng nghỉ d- ỡng sức tham quan tích cực của con ng- ời ngoài nơi c- trú với mục đích: nghỉ ngơi, giải trí, xem danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hoá nghệ thuật... Theo nghĩa thứ 2, du lịch là một ngành kinh doanh tổng hợp có hiệu quả cao về nhiều mặt, nâng cao hiểu biết về thiên nhiên, truyền thống lịch sử và văn hoá dân tộc, từ đó góp phần làm tăng thêm tình yêu quê h- ơng đất n- ớc, đối với ng- ời n- ớc ngoài là tình hữu nghị với dân tộc mình; về mặt kinh tế du lịch là lĩnh vực kinh doanh mang lại hiệu quả lớn, có thể coi là hình thức xuất khẩu hàng hoá và dịch vụ tại chỗ.

Còn trong Luật du lịch Việt Nam năm 2005, du lịch đ- ợc định nghĩa là " Các hoạt động có liên quan đến chuyến đi của con ng- ời ngoài nơi c- trú th- ờng xuyên của mình nhằm đáp ứng nhu cầu thăm quan, tìm hiểu, giải trí, nghỉ d- ỡng trong một khoảng thời gian nhất định".

1.2. Các loại hình du lịch:

Du lịch là một ngành tổng hợp, liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực khác nhau, vì vậy có rất nhiều học giả thuộc nhiều lĩnh vực cùng nghiên cứu về du lịch. Có nhiều ng- ời đ- a ra nhiều tiêu chí khác nhau để phân loại thành các loại hình du lịch. Nếu phân loại theo môi tr- ờng tự nhiên thì trong cuốn: “Cơ sở địa lý du lịch và dịch vụ tham quan”, Pirojnik cho rằng du lịch gồm có: Du lịch thiên nhiên và du lịch văn hoá.

1.2.1. Du lịch thiên nhiên:

Là hoạt động du lịch đ- a du khách về những nơi có điều kiện, môi tr- ờng tự nhiên trong lành, cảnh quan tự nhiên hấp dẫn nhằm thoả mãn nhu cầu đặc tr- ng của họ

Ngày nay với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học kỹ thuật và công nghệ, thu nhập và đời sống của ng- ời dân ngày càng đ- ợc nâng cao. Nh- ng tốc độ đô thị hoá làm con ng- ời ngày càng tăng nhu cầu giải trí, nâng cao sức khoẻ bằng cách sống gần gũi hơn với thiên nhiên. Điều này giải thích tại sao du lịch nói chung và du lịch thiên nhiên nói riêng đã, đang và sẽ trở thành một ngành kinh tế triển vọng trong t- ơng lai.

Nh- ng hiện nay hoạt động du lịch ô ạt có nguy cơ làm suy thoái môi tr- ờng tự nhiên, sự tập trung của quá nhiều ng- ời tại một điểm làm cho thiên nhiên không kịp phục hồi dẫn đến việc dân huỷ hoại thiên nhiên.

Để tìm ra biện pháp hữu hiệu, giải quyết tình trạng này, ng- ời ta đã đ- a ra khái niệm về du lịch sinh thái, làm thay đổi những ứng xử của con ng- ời với tự nhiên bằng ý thức quan tâm hơn tới tự nhiên và có nhiều nỗ lực trong việc bảo vệ chúng.

1.2.2. Du lịch văn hoá:

Là hoạt động du lịch chủ yếu diễn ra trong môi trường nhân văn, hoặc hoạt động du lịch đó tập trung khai thác tài nguyên du lịch nhân văn.

Các đối tượng văn hoá được coi là nguồn tài nguyên vô cùng hấp dẫn, nó thu hút khách bởi tính phong phú, đa dạng, độc đáo, tính truyền thống cũng như tính địa phương của nó. Đây là cơ sở để tạo nên các loại hình du lịch văn hoá phong phú

Ta có thể hiểu du lịch văn hóa là loại hình du lịch mà ở đó con người được hưởng thụ những sản phẩm văn hóa của nhân loại, của một quốc gia, một vùng hay một dân tộc.

Người ta gọi là du lịch văn hóa khi hoạt động du lịch diễn ra trong môi trường nhân văn, hoặc hoạt động du lịch đó tập trung khai thác tài nguyên du lịch nhân văn.

***Đặc trưng của sản phẩm du lịch văn hóa.**

- Là sản phẩm có sự tham gia sáng tạo của con người
- Là sản phẩm mang dấu ấn của lịch sử, truyền thống của cộng đồng, thời đại đó.
- Sản phẩm du lịch văn hóa được thể hiện là vật thể hoặc phi vật thể.

***Các nhân tố ảnh hưởng đến du lịch văn hóa.**

Du lịch văn hóa phát triển trong môi trường có nguồn tài nguyên du lịch nhân văn. Đó là hệ thống các di tích văn hóa lịch sử, các loại hình văn hóa nghệ thuật, các danh lam thắng cảnh, các lễ hội, phong tục tập quán... Các yếu tố có ảnh hưởng đến sự phân bố, hình hành, phát triển hay mất đi của các tài nguyên này đều có sự tác động đến du lịch văn hóa.

+Các nhân tố khách quan

- Điều kiện khí hậu có ảnh hưởng đến sự phát triển của các loại tài nguyên. Mưa, gió, lũ lụt hay điều kiện thời tiết khắc nghiệt đều làm giảm tuổi thọ của các công trình, làm các công trình nhanh chóng bị xuống cấp.
- Điều kiện chính trị không ổn định, bom đạn chiến tranh cũng gây nên sự tàn phá các công trình.
- Lịch sử, thời gian cũng hủy hoại và làm xuống cấp nghiêm trọng các công trình, đòi hỏi cần có sự tu tạo, gìn giữ, bảo tồn của con người.
- Các thể chế chính trị, các chính sách: Có tác động tích cực, giữ gìn, phát huy hoặc tôn tạo các giá trị văn hóa

+ Các nhân tố chủ quan.

Các nhân tố chủ quan muốn nói tới ở đây chính là nhân tố con người. Nếu con người có ý thức giữ gìn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, thì nền văn hóa sẽ có thể phát triển rực rỡ, phát huy vai trò của nó trong việc phát triển du lịch văn hóa. Ngược lại, nếu con người khai thác quá mức mà không đi đôi với việc tu tạo, bảo vệ, gìn giữ thì cũng sẽ làm giảm giá trị của các loại tài nguyên đó.

1.3. Sự tác động của du lịch đối với các lĩnh vực khác:

1.3.1. Sự tác động của du lịch đối với xã hội.

+ Đối với xã hội du lịch có vai trò giữ gìn, phục hồi sức khỏe và tăng cường sức sống cho người dân, có tác dụng hạn chế bệnh tật, kéo dài tuổi thọ và tăng khả năng lao động cho con người. Theo các công trình nghiên cứu về y học của Dorin và Crivosev năm 1981, nhờ chế độ nghỉ ngơi và đi du lịch tối ưu, bệnh tật của người dân có thể giảm tới 30%. Sự thật là loại hình du lịch chữa bệnh đã ra đời trên thế giới từ cách đây khá lâu, những điểm du lịch chữa bệnh

thu hút khách du lịch đó là những vùng núi cao có khí hậu mát mẻ, hay những suối nước khoáng tự nhiên từ trong lòng đất được khai thác.

+ Du lịch tăng thêm tình đoàn kết cộng đồng. Đối với những người dân trong nước, du lịch thúc đẩy tinh thần đoàn kết, tăng thân ái. Còn đối với những người thuộc các quốc gia khác nhau, du lịch làm tăng thêm tình hữu nghị giữa các nước. Bởi vì du lịch là sự gặp gỡ và giao lưu giữa con người với con người, thông qua du lịch mọi người có điều kiện tiếp xúc với nhau, gần gũi với nhau hơn, là điều kiện để thắt chặt tình cảm.

+ Du lịch còn có tác dụng giáo dục tinh thần yêu nước, khơi dậy niềm tự hào dân tộc. Đó là các cuộc hành trình đến với các danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, các công trình văn hóa. Khi tiếp xúc trực tiếp với những sự vật quen thuộc hàng ngày, có thể chúng ta không mấy khi để ý đến mà sẽ cảm thấy cũng rất bình thường, nhưng nếu được nghe giải thích về nguồn gốc hay những sự kiện gắn liền với những sự vật ấy chúng ta mới thấy được hết những giá trị của chúng.

+ Một tác động tích cực nữa của du lịch đối với xã hội đó là du lịch góp phần nâng cao dân trí. Có thể nói về vai trò này của du lịch bằng một câu tục ngữ của người dân Việt Nam: “Đi một ngày đàng học một sàng khôn”; “Trăm nghe không bằng một thấy”. Mỗi chuyến đi thường đem lại sự trải nghiệm cho du khách, mang lại cho du khách những kiến thức, những kinh nghiệm, tăng thêm vốn hiểu biết và vốn sống cho họ.

+ Du lịch còn có vai trò rất quan trọng trong việc tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân và tạo ra một đội ngũ lao động có chất lượng và trình độ cao. Vì du lịch là một lĩnh vực kinh tế đa ngành, đa nghề, hoạt động của nó kéo theo sự phát triển của nhiều ngành khác, đồng thời thu hút một lực lượng lao động rất lớn. Bởi vì người ta đi du lịch không đơn thuần chỉ đi ngắm cảnh, tham quan mà còn phải sử dụng nhiều dịch vụ khác nữa như ăn, nghỉ, hướng dẫn, mua quà lưu niệm..., mà các dịch vụ này do ngành công nghiệp, nông

ngiệp, thương mại... Vì vậy có thể nói phát triển du lịch là một lối thoát để giảm bớt nạn thất nghiệp, nâng cao mức sống cho người dân.

+ Tuy nhiên bên cạnh những tác động tích cực như vậy, thì ảnh hưởng tiêu cực của du lịch đến xã hội cũng không phải là nhỏ. Vì bản chất của du lịch là sự gặp gỡ giữa con người và con người, là sự giao tiếp trong một cộng đồng, đây cũng chính là môi trường vô cùng thuận lợi làm gia tăng những tệ nạn xã hội. Đó là nạn nghiện hút, mại dâm, cờ bạc, trộm cướp, tình trạng ăn xin xuất hiện ở các điểm du lịch. Nhiều kẻ xấu đã lợi dụng những chuyến đi để thực hiện những hành vi trái pháp luật, hay chính khách du lịch là nạn nhân của những tệ nạn đó.

+ Đồng thời, văn hóa và phong tục tập quán ở mỗi vùng miền là khác nhau, nên người dân bản xứ thường khó chấp nhận những một số phong cách mà khách du lịch mang tới, gây nên sự thiếu thiện cảm của người dân địa phương dành cho du khách. Hoặc ngược lại, những hành động, trang phục của khách du lịch mặc dù không hợp với văn hóa địa phương nhưng nhiều thanh niên lại học theo vì coi đó là mốt, gây nên sự méo mó về văn hóa.

Cũng do sự khác biệt về tôn giáo, phong tục, văn hóa, chính trị... nên nếu không có sự hiểu biết và tôn trọng lẫn nhau sẽ rất dễ gây ra hiểu lầm, tranh chấp, xung đột, tạo nên căng thẳng giữa chủ và khách. Ngoài ra có thể nảy sinh giữa cư dân địa phương với các nhà cung ứng khi họ đưa khách đến.

1.3.2. Tác động của du lịch tới văn hóa:

+ Du lịch có tác dụng bảo tồn, gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống. Bởi vì nền văn hóa truyền thống là một nguồn tài nguyên quan trọng để phát triển du lịch, nó quyết định khả năng thu hút du khách đến với địa phương đó. Vì vậy để tăng sức hấp dẫn du khách, các cấp chính quyền địa phương luôn cố gắng đưa ra các chính sách để gìn giữ các giá trị văn hóa truyền thống. Ví dụ một trong những tour du lịch được nhiều du khách tìm

mua hiện nay là đến với những nơi có nền văn hóa bản địa, còn nguyên sơ như miền núi, nơi có các tộc người thiểu số sinh sống, nên ở những địa phương này, người dân vẫn luôn cố gắng lưu giữ những phong tục tập quán, những trang phục truyền thống, hay những ngôi nhà sàn... để tăng khả năng hấp dẫn du khách.

Một trong những chức năng của du lịch còn là giao lưu văn hóa. Khi đi du lịch du khách luôn muốn được mang theo nền văn hóa tại nơi mình sống đến với người dân bản xứ, từ đó làm cho các nền văn hóa có sự giao lưu học hỏi phong phú hơn.

+ Thế nhưng du lịch cũng có những tác động tiêu cực đến nền văn hóa. Trước hết nó gây nên tình trạng thương mại hóa văn hóa. Chính vì để thỏa mãn nhu cầu của du khách và vì lợi ích kinh tế trước mắt nên các hoạt động văn hóa truyền thống được trình diễn một cách méo mó, không đúng bản chất, như chợ Tình ở Sapa được tổ chức mỗi tuần một lần thay vì mỗi năm một lần như trước kia, đôi khi gây nên sự nhàm chán, không còn tạo sự tò mò, hấp dẫn cho du khách. Nhiều trường hợp do thiếu hiểu biết về các lễ hội nên người ta đã giải thích sai lệch.

Nhiều khi do chạy theo số lượng, ngày càng nhiều du khách có nhu cầu mua quà lưu niệm tại nơi đến, nên nhiều cửa hàng đã không chú ý đến chất lượng, sản xuất cầu thả làm cho khách hiểu không đầy đủ về hình ảnh của nền văn hóa bản địa.

Một thời gian tại các chùa chiền, đình đền xuất hiện tình trạng lập chùa giả, đền giả, hay tình trạng bán hàng rong, nài ép, chèo kéo khách mua hàng, gây nên những bức xúc và khó chịu cho khách du lịch. Đó là một trong những tác động tiêu cực của du lịch đến nền văn hóa, làm suy giảm đạo đức của người dân. Bên cạnh đó còn là nạn chạy theo một du khách của người dân địa phương, đặc biệt là của giới trẻ, ngày càng chối bỏ nền văn hóa truyền thống

để chạy theo phong cách văn hóa mới không phải của mình hoặc không phù hợp với mình.

1.3.3. Tác động của du lịch tới môi trường:

Tài nguyên môi trường là một nhân tố quan trọng thúc đẩy việc phát triển du lịch, du lịch phát triển tạo điều kiện cho du khách được tìm hiểu về thiên nhiên, hiểu được giá trị của thiên nhiên, từ đó nâng cao trách nhiệm của con người đối với môi trường. Thế nhưng nếu phát triển du lịch một cách ồ ạt không chú trọng đến việc bảo vệ môi trường thì sẽ gây ra những hậu quả rất lớn, làm suy thoái tài nguyên du lịch. Sự tập trung quá nhiều người và thường xuyên tại một điểm du lịch sẽ làm cho thiên nhiên không kịp phục hồi dẫn đến hủy hoại môi trường. Sự có mặt của con người làm uy hiếp các loài động vật hoang dã, đẩy chúng ra khỏi nơi cư trú yên ổn trước đây để đến một nơi ở mới. Cũng tại nhiều điểm du lịch, mỗi du khách đều cố gắng để lại dấu ấn của mình bằng việc khắc tên hoặc viết, vẽ bậy lên các công trình, làm mất giá trị và ảnh hưởng đến cảnh quan, thẩm mỹ. Tình trạng xả rác bừa bãi tại các điểm du lịch làm ô nhiễm môi trường cũng đã làm cho các cơ quan chức năng phải vào cuộc. Mặt khác, tại các điểm du lịch, lượng khách đến càng ngày càng đông, vượt quá khả năng chịu tải của cơ sở hạ tầng nên chúng bị xuống cấp trầm trọng, góp phần làm gia tăng mức độ ô nhiễm môi trường.

1.3.4. Tác động của du lịch đến nền kinh tế:

Vai trò đầu tiên mà chúng ta không thể phủ nhận được đó là du lịch góp một phần không nhỏ để phát triển nền kinh tế. Tại nhiều quốc gia như Pháp, họ coi du lịch giống như con gà biết đẻ ra những quả trứng vàng, hay là một nền công nghiệp không khói. Hàng năm đóng góp của ngành du lịch vào tổng sản phẩm quốc dân ngày càng tăng, hơn nữa, trên thế giới hiện nay nói chung và Việt Nam nói riêng, người ta dựa vào số lần đi du lịch để đánh giá mức sống của người dân.

Nhu cầu trong chuyến du lịch của du khách là rất phong phú, cần đến sự hỗ trợ của nhiều ngành kinh tế khác như công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải, thông tin liên lạc... nên khi hoạt động du lịch phát triển nó cũng sẽ kéo theo sự phát triển của các ngành khác, từ đó có tác dụng thúc đẩy toàn bộ nền kinh tế.

Du lịch phát triển nó cũng thúc đẩy nhu cầu tiêu dùng của người dân, đặc biệt là thúc đẩy việc xuất khẩu tại chỗ các sản phẩm, vừa thu được lợi nhuận cao, vừa tiết kiệm được công sức và chi phí vận chuyển.

Du lịch phát triển cũng thu về cho đất nước một nguồn ngoại tệ rất lớn cân đối cán cân thanh toán. Tuy nhiên bên cạnh đó, do số lượng khách đến các điểm du lịch ngày càng đông, làm cho giá cả tại nơi đến tăng cao, gây lên lạm phát cục bộ.

1.4. Tài nguyên du lịch:

1.4.1. Khái niệm tài nguyên du lịch (TNDL):

TNDL là loại tài nguyên có những đặc điểm giống những loại tài nguyên nói chung, song có một số đặc điểm riêng gắn với sự phát triển của ngành du lịch.

TNDL theo Pirojnik:" TNDL là những tổng thể tự nhiên, văn hoá - lịch sử và những thành phần của chúng, tạo điều kiện cho việc phục hồi và phát triển thể lực tinh thần của con người, khả năng lao động và sức khoẻ của họ, trong cấu trúc nhu cầu du lịch hiện tại và tương lai, trong khả năng kinh tế kỹ thuật cho phép, chúng được dùng để trực tiếp và gián tiếp sản xuất ra những dịch vụ du lịch và nghỉ ngơi".

Nguyễn Minh Tuệ cũng cho rằng:" TNDL là tổng thể tự nhiên và văn hoá lịch sử cùng các thành phần của chúng góp phần khôi phục, phát triển thể lực, trí tuệ của con người, khả năng lao động và sức khoẻ của họ. Những tài

nguyên này để sử dụng cho nhu cầu trực tiếp và gián tiếp, cho việc sản xuất dịch vụ du lịch".

Theo các nhà khoa học du lịch Trung Quốc định nghĩa là: " Tất cả giới tự nhiên và xã hội loài người có sức hấp dẫn khách du lịch, có thể sử dụng cho ngành du lịch, có thể sản sinh ra hiệu quả kinh tế - xã hội và môi trường có thể gọi là tài nguyên du lịch"

Khoản 4(điều 4, chương 1) Luật du lịch Việt Nam năm 2005 quy định: " TNDL là cảnh quan thiên nhiên, yếu tố tự nhiên, di tích lịch sử văn hóa (DTLSVH), công trình lao động sáng tạo của con người và các giá trị nhân văn khác có thể sử dụng nhằm đáp ứng nhu cầu du lịch, là yếu tố cơ bản để hình thành các khu du lịch, điểm du lịch, tuyến du lịch, đô thị du lịch".

Từ những quan niệm trên có thể rút ra một số nhận xét sau:

TNDL là tổng thể tự nhiên kinh tế - xã hội văn hoá để sử dụng để phục hồi sức khoẻ phát triển thể lực và tinh thần con người. Trên cơ sở này các học giả cho rằng địa hình, thủy văn, khí hậu, động - thực vật, DTLSVH, văn hóa nghệ thuật lễ hội... là những tài nguyên du lịch. Song thực tế không phải bất cứ mọi dạng, mọi kiểu địa hình, tất cả các kiểu khí hậu các yếu tố khí hậu hay các giá trị văn hoá...đều có khả năng hấp dẫn khách cũng như có khả năng kinh doanh du lịch. Trong nhiều trường hợp địa hình hiểm trở, các bãi biển bị xâm thực mạnh, một số kiểu khí hậu, nguồn nước bị ô nhiễm là những điều kiện không hấp dẫn khách, trở ngại cho phát triển du lịch. Thực tế hiện nay việc bảo tồn và khai thác TNDL hấp dẫn du khách, ngoài các chức năng xã hội phục vụ cho du khách, TNDL còn để khai thác nhằm đạt được hiệu quả về kinh tế, nâng cao chất lượng cuộc sống của dân, hiệu quả môi trường và chính trị...

Như vậy, TNDL để xem như là tiền đề phát triển du lịch, là yếu tố cơ bản để tạo thành các sản phẩm du lịch. TNDL càng phong phú đặc sắc có mức

độ tập trung cao thì càng có sức hấp dẫn với du khách và có hiệu quả kinh doanh du lịch cao.

TNDL là một phạm trù lịch sử, việc khai thác phụ thuộc vào nhiều điều kiện kinh tế - xã hội, khoa học kỹ thuật, chính trị nên ngày càng đ- ợc mở rộng. Do vậy, TNDL bao gồm cả TNDL đã, đang khai thác và TNDL ch- a đ- ợc khai thác.

TNDL là tất cả những gì thuộc về tự nhiên và các giá trị văn hoá do con ng- ời sáng tạo ra có sức hấp dẫn du khách, có thể đ- ợc bảo vệ, tôn tạo và sử dụng cho ngành du lịch mang lại hiệu quả về kinh tế - xã hội và môi tr- ờng.

1.4.2. Phân loại TNDL.

1.4.2.1. Tài nguyên du lịch tự nhiên.

Theo khoản 1 (điều 13 ch- ơng II) Luật du lịch Việt Nam năm 2005 quy định " Tài nguyên du lịch Việt Nam gồm các yếu tố địa chất, địa mạo, địa hình, khí hậu, thủy văn, hệ sinh thái, cảnh quan tự nhiên đang đ- ợc khai thác, hoặc có thể đ- ợc sử dụng phục vụ mục đích du lịch".

Các loại TNDL tự nhiên không tồn tại độc lập mà phát triển trong một không gian lãnh thổ nhất định.

* *Địa chất - địa hình- địa mạo.*

Các quá trình kiến tạo địa chất lâu dài đã tạo nên địa hình trên bề mặt trái đất cũng nh- các hoạt động địa chất địa mạo.

Đối với hoạt động du lịch, tài nguyên địa chất tại các điểm du lịch dựa vào tự nhiên là lịch sử phát triển địa chất, các quá trình địa chất, các vận động địa chaat qua các thời kỳ lịch sử của Trái đất trong quá khứ, hiện tại và t- ơng lai, các hoạt động địa chất th- ờng xảy ra, cấu tạo, phân bố của các lớp đất đá, trữ l- ợng của các mỏ n- ớc khoáng.

Các quá trình địa chất là nguyên nhân tạo ra bề mặt địa hình, tạo ra những giá trị và nét riêng biệt để hấp dẫn du khách, là cơ sở quan trọng để phát triển du lịch của quốc gia và địa ph- ơng.

+ Địa hình đồi núi, cao nguyên: th- ờng tạo ra những cảnh quan kỳ vĩ, sinh động và thơ mộng.

Do sự chia cắt về bề mặt địa hình, th- ờng tạo nên những t- ơng phản về cảnh vật giữa các thung lũng sâu, với các dãy núi cao, tạo ra sức hấp dẫn cho du khách. Đồng thời các vùng núi đồi cũng là nơi có c- dân đến quần c- khá sớm.

+ Địa hình đồng bằng: Sự kết hợp giữa đồng bằng và tài nguyên n- ớc nh- sông, hồ, ao, kênh, rạch... đã tạo nên những phong cảnh thủy mặc êm ả, yên bình, hấp dẫn du khách nh- du lịch ở Đồng Bằng sông Cửu Long.

Đồng bằng cũng là nơi có mật độ dân c- tập trung sinh sống cao, là điều kiện quan trọng để hình thành các nền văn minh, là nơi bảo tồn, l- u giữ nhiều giá trị văn hoá truyền thống của loài ng- ời cũng nh- của nhiều quốc gia trên thế giới. Do vậy, đồng bằng cũng đ- ợc lựa chọn để phát triển loại hình du lịch sinh thái, du lịch văn hoá.

+Địa hình Karst: Là kiểu địa hình đ- ợc tạo thành do quá trình vận động kiến tạo của vỏ trái đất kết hợp với các quá trình ngoại lực chủ yếu ,là sự l- u thông của n- ớc trong các đá dễ bị hoà tan.

+ Kiểu địa hình ven bờ và đảo hấp dẫn du khách bằng các bãi cát ven biển, hồ và sông. Trong đó đặc biệt là các bãi cát ven biển, đảo thường được gọi là các bãi biển. Kiểu địa hình này thuận lợi phát triển loại hình du lịch tắm biển, lặn biển, thể thao, nghỉ dưỡng. Hiện nay nhu cầu du lịch biển trên thế giới ngày càng tăng,

+ Các di tích tự nhiên: Các quá trình nội lực và ngoại lực đã tạo nên trên bề mặt địa hình nhiều di tích tự nhiên có giá trị về mặt thẩm mỹ, lại mang trong mình nhiều câu chuyện thú vị, nên đã trở thành những điểm du lịch hấp dẫn rất nhiều du khách như hòn Trống mái(Sầm Sơn, Thanh Hóa), hòn Gà Chọi (Hạ Long, Quảng Ninh).

** Khí hậu.*

Khí hậu là thành phần quan trọng của tự nhiên đối với hoạt động du lịch. Các chỉ tiêu thuộc về khí hậu bao gồm: nhiệt độ, độ ẩm, gió, lượng mưa, ánh nắng. Nhìn chung những nơi có khí hậu điều hòa thường được khách du lịch ưa thích tránh những nơi quá lạnh, quá ẩm, hoặc quá nóng, quá khô.

** Tài nguyên nước:*

Tài nguyên nước gồm nước chảy trên bề mặt và nước ngầm, có ý nghĩa rất lớn đối với du lịch. Bề mặt sông, hồ, suối, thác, các vùng nước ven biển, kết hợp với núi non, rừng cây, hệ sinh thái nhân văn đã tạo ra những phong cảnh đẹp hấp dẫn du khách.

Các vùng nước ven biển có bãi cát đẹp hoặc ven các hồ có môi trường trong sạch, độ mặn phù hợp được khai thác để phát triển các loại hình thể thao, lặn biển, tắm biển, đua thuyền...

Các thác nước cũng là những nơi có phong cảnh đẹp, hữu tình, có thể phát triển các loại hình tham quan và thể thao mạo hiểm.

Các điểm suối khoáng, suối nước nóng.

Đây là một nguồn tài nguyên quý giá mà không phải nơi nào cũng có được, là nguồn lực quan trọng để phát triển loại hình du lịch nghỉ dưỡng, tắm khoáng, chữa bệnh.

** Tài nguyên sinh vật.*

Tài nguyên sinh vật bao gồm toàn bộ các loài động vật, thực vật sống trên lục địa và dưới nước sẵn có trong tự nhiên và do con người thuần dưỡng, chăm sóc, lai tạo..

Tài nguyên sinh vật kết hợp cùng các tài nguyên khác vừa tạo nên phong cảnh đẹp, hấp dẫn, vừa có tác dụng bảo vệ môi trường. Thực vật còn được coi là máy điều hòa tự nhiên, lọc không khí, làm cho không khí thêm trong lành, mát mẻ.

Tài nguyên sinh vật cũng là nguồn cung cấp nhiều loại dược liệu quý phục vụ cho loại hình du lịch chữa bệnh và an dưỡng

Hiện nay tài nguyên sinh vật được khai thác tập trung ở trong các VQG, khu bảo tồn... Vừa để gìn giữ, bảo tồn các loại động, thực vật quý hiếm đang đứng trước nguy cơ bị tuyệt chủng, vừa hình thành nên các điểm du lịch hấp dẫn du khách đến tham quan và nghiên cứu.

1.4.2.2. Tài nguyên du lịch nhân văn:

Trong cuốn “ Tài nguyên du lịch” của Th.s Bùi Thị Hải Yến đã định nghĩa: Tài nguyên du lịch nhân văn là tài nguyên có nguồn gốc nhân tạo do con người sáng tạo ra. Tuy nhiên chỉ có những tài nguyên nhân văn có sức hấp dẫn với du khách và có thể khai thác phát triển du lịch để tạo ra hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường mới được gọi là du lịch nhân văn”.

Đặc điểm:

- Tài nguyên du lịch nhân văn do con người tạo ra nên chịu tác động của thời gian, tự nhiên và của chính con người.
- Tài nguyên nhân văn là do con người sáng tạo ra nên có tính phổ biến.
- Tài nguyên nhân văn ở mỗi vùng, mỗi quốc gia thường mang những giá trị đặc sắc riêng.
- Tài nguyên du lịch nhân văn thường được phân bố gần các khu vực đông dân cư.

Các dạng tài nguyên du lịch nhân văn:

*Tài nguyên du lịch nhân văn vật thể.

Theo Luật DSVH Việt Nam năm 2003: “ Di sản văn hóa vật thể là sản phẩm vật chất có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học bao gồm các di tích lịch sử văn hóa, các danh lam thắng cảnh, các di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia”.

Cũng theo Luật di sản văn hóa: “Di tích lịch sử văn hoá là những công trình xây dựng và các di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc công trình, địa điểm có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học”.

Bao gồm:

➤ Di tích văn hóa khảo cổ: Là những địa điểm ẩn giấu một giá trị lịch sử văn hóa, thuộc về thời kỳ lịch sử khi xã hội loài người chưa có văn tự và thời gian nào đó trong lịch sử cổ đại.

➤ Di tích lịch sử:

Di tích ghi dấu về dân tộc học, sự ăn ở, sinh hoạt của các tộc người.

Di tích ghi dấu về sự kiện chính trị quan trọng, tiêu biểu, có ý nghĩa quyết định chiều hướng phát triển của đất nước, của địa phương.

Di tích ghi dấu chiến công chống xâm lược.

Di tích ghi dấu những kỷ niệm.

Di tích ghi dấu sự vinh quang trong lao động.

Di tích ghi dấu tội ác của đế quốc và phong kiến.

➤ Di tích văn hóa nghệ thuật: Là các di tích gắn với các công trình kiến trúc có giá trị. Những di tích này không chỉ chứa đựng những giá trị kiến trúc mà còn chứa đựng giá trị về văn hóa xã hội, văn hóa tinh thần.

➤ Các danh lam thắng cảnh: Các danh lam thắng cảnh không chỉ có vẻ đẹp bao la hùng vĩ, mà còn có giá trị nhân văn do bàn tay khối óc của con người tạo nên.

Các danh lam thắng cảnh thường chứa đựng trong đó giá trị của nhiều loại di tích lịch sử. Vì vậy nó có ý nghĩa và giá trị quan trọng cho hoạt động du lịch.

* Các dạng tài nguyên nhân văn phi vật thể:

Theo Luật di sản văn hóa của Việt Nam năm 2003: “Di sản văn hóa phi vật thể là sản phẩm tinh thần có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, được lưu giữ bằng trí nhớ, chữ viết, được truyền miệng, truyền nghề, trình diễn và các hình thức nghệ thuật bao gồm: tiếng nói, chữ viết, tác phẩm khoa học nghệ thuật, ngữ văn truyền miệng, diễn xướng dân gian, lối sống, nếp sống, lễ hội, bí quyết nghề nghiệp thủ công truyền thống, tri thức về y dược cổ truyền, văn hóa ẩm thực, trang phục truyền thống của dân tộc và những tri thức dân gian”.

+ Các lễ hội: lễ hội là một hình thức sinh hoạt văn hóa tập thể của nhân dân sau một thời gian lao động vất vả. Lễ hội là dịp mọi người bày tỏ lòng biết ơn tổ tiên, những người có công với quê hương đất nước, có liên quan đến những lễ nghi tôn giáo, tín ngưỡng, ôn lại những giá trị nghệ thuật truyền thống hoặc hướng về một sự kiện lịch sử, kinh tế, văn hóa trọng điểm của quê hương, đất nước hoặc là những hoạt động vui chơi, giải trí, là dịp để tăng thêm tình đoàn kết cộng đồng.

Lễ hội là một loại hình sinh hoạt văn hóa truyền thống, có sức lôi cuốn đông đảo người tham gia và trở thành nhu cầu không thể thiếu của người dân, là một nguồn tài nguyên du lịch có sức hấp dẫn đối với du khách. Lễ hội góp phần cùng các tài nguyên khác tạo ra những giá trị văn hóa đa dạng, phong phú, đặc sắc của mỗi quốc gia, mỗi địa phương. Thực tế cho thấy những lễ hội được đầu tư tổ chức, quản lý và khai thác, bảo tồn hợp lý thì sẽ là những lễ hội thu hút nhiều người tham gia, nhiều khách du lịch hơn và cũng để lại ấn tượng tốt đẹp trong lòng du khách. Các lễ hội càng có sức hấp dẫn cao thì càng thuận lợi để triển khai nhiều loại hình du lịch văn hóa, đặc biệt là du lịch lễ hội.

Nhưng lễ hội lại gây ra tính mùa trong du lịch. Vì lễ hội thường được tổ chức vào hai khoảng thời gian chính trong năm, đó là mùa thu và mùa

xuân, khi người dân không phải bận rộn công việc đồng áng, đồng thời thời tiết cũng khá ôn hòa.

Các giá trị lịch sử của lễ hội là nguồn tài nguyên du lịch quý giá để phát triển các loại hình du lịch tham quan, nghiên cứu chuyên đề về lễ hội, hoặc kết hợp loại hình du lịch tham quan, mua sắm.

+ Văn hóa nghệ thuật:

Những giá trị văn hóa nghệ thuật là những món ăn tinh thần của nhân dân, thể hiện giá trị thẩm mỹ, truyền thống và bản sắc văn hóa, tâm tư, tình cảm, ước nguyện của nhân dân. Các loại hình biểu diễn văn hóa nghệ thuật truyền thống là những tinh hoa văn hóa của các quốc gia, được sáng tạo bồi đắp trong quá khứ, mang bản sắc rất riêng của mỗi quốc gia. Đó cũng là tài nguyên văn hóa vô cùng quý giá để thu hút du khách, vì khi được nghiên cứu, thưởng thức những giá trị văn hóa nghệ thuật truyền thống, không những giúp du khách nâng cao hiểu biết về những giá trị của quốc gia mình, của đất nước mình mà còn được thư giãn, được đắm mình trong những âm thanh sâu lắng, tuyệt diệu.

+ Nghề và các làng nghề thủ công truyền thống:

Nghề thủ công truyền thống là nghề sản xuất ra các mặt hàng thủ công mà những bí quyết nghề nghiệp do những nghệ nhân dân gian sáng tạo, gìn giữ, phát triển từ đời này sang đời khác cho những người cùng huyết thống hoặc cùng làng bản. Nghề thủ công truyền thống là nghề mà các công đoạn sản xuất tạo ra sản phẩm chủ yếu bằng các công cụ sản xuất thô sơ và bằng sự tinh xảo, khéo léo của người nghệ nhân. Chính vì vậy nghệ thuật sản xuất hàng thủ công cổ truyền và các làng nghề thủ công truyền thống là những giá trị nhân văn hấp dẫn du khách, nhất là du khách nước ngoài, các nước công nghiệp phát triển, nơi mà nghề thủ công truyền thống đã bị mai một nhiều.

Khi du khách đến thăm quan, nghiên cứu các làng nghề thủ công truyền thống, họ không chỉ tìm hiểu, thưởng thức những giá trị nghệ thuật, sản xuất nghề, mua những sản phẩm thủ công chứa đựng tinh hoa của người nghệ nhân, mà còn là dịp để du khách có thể tìm hiểu, trải nghiệm, hưởng thụ những giá trị tốt đẹp, đặc sắc của các làng nghề thủ công truyền thống. Vì vậy các làng nghề thủ công truyền thống là tài nguyên du lịch quý giá để thu hút du khách đến với địa phương. Các địa phương có làng nghề cũng đang có nhiều chính sách đầu tư khôi phục các nghề thủ công truyền thống đã bị mai một, để tăng khả năng thu hút khách.

+ Văn hóa ẩm thực: Mỗi dân tộc có những món ăn truyền thống khác nhau, mang đậm bản sắc của dân tộc đó, cuốn hút du khách đến tìm hiểu và thưởng thức. Vì vậy nghệ thuật ẩm thực cũng là một nguồn tài nguyên quý giá cho hoạt động du lịch.

CHƯƠNG II: GIỚI THIỆU VỀ HUYỆN KIẾN THUY VÀ TIỀM NĂNG DU LỊCH CỦA HUYỆN

2.1. Khái quát về thành phố Hải Phòng.

Hải Phòng là một thành phố cảng biển quốc tế, là một trong những trọng điểm du lịch của cả nước.

Đô thị Hải Phòng chính thức được thành lập từ năm 1888, cùng với Hà Nội, Sài Gòn phát triển thành 3 thành phố lớn nhất của Việt Nam.

Với diện tích 1.507,6 km², dân số hơn 1,7 triệu người (năm 2004), Hải Phòng gồm 7 quận nội thành là : Hồng Bàng, Lê Chân, Ngô Quyền, Hải An, Dương Kinh, Đồ Sơn, Kiến An và 7 huyện ngoại thành là An Dương, Thủy Nguyên, Kiến Thụy, Tiên Lãng, Vĩnh Bảo, Cát Hải, Huyện đảo Bạch Long Vĩ.

Hải Phòng nằm trên bờ biển Đông, Thái Bình Dương, cách thủ đô Hà Nội 105 km. Hải Phòng nằm trong khu vực nhiệt đới gió mùa, nhiệt độ trung bình năm từ 23°C đến 24°C, lượng mưa trung bình hàng năm từ 1600mm đến 1800mm, quanh năm thời tiết ẩm áp, cây cối xanh tươi.

Hải Phòng là một mảnh đất có truyền thống lịch sử lâu đời. Cách đây hơn 6000 năm, nơi đây đã là nơi cư trú của người Việt cổ, thông qua việc tìm thấy di chỉ Cái Bèo ở Cát Bà. Trước đây, Hải Phòng có tên gọi là Hải tần phòng thủ, nghĩa là vùng đất trấn giữ ở biển, được người con gái tài sắc vẹn toàn là bà Lê Chân lập nên.

Hải Phòng là một cảng biển lớn nằm trên đường hàng hải quốc tế Đông Tây, Bắc Nam. Từ hàng trăm năm nay, người Trung Quốc, Nhật Bản, Pháp, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha... đã theo đường biển đến đây buôn bán..

Hải Phòng còn giữ được nhiều di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, nhiều đền chùa, lăng miếu, di chỉ, sinh hoạt văn hóa trên từng làng xã. Điển hình là chùa Hàng, đình Kênh, khu di tích danh nhân văn hóa trạng trình Nguyễn Bình Khiêm tại Vĩnh Bảo, hội chọi trâu Đồ Sơn, hội đua thuyền Cát Bà...

Bên cạnh đó Hải Phòng cũng được thiên nhiên ưu đãi ban tặng nhiều cảnh đẹp như biển đảo Cát Bà cùng với VQG Cát Bà đã được UNESSCO công nhận là khu dự trữ sinh quyển của thế giới vào năm 2004. Đó là bãi biển Đồ Sơn, đảo Hòn Dấu hàng năm thu hút rất nhiều khách du lịch đến tham quan và tắm biển.

Hải Phòng thực sự là một trung tâm thương mại, một thành phố công nghiệp lâu đời, một đầu mối giao thông quan trọng với hệ thống đường giao thông thủy, bộ, sắt, hàng không phục vụ cho việc giao lưu hàng hóa và hành khách cho các tỉnh miền Bắc Việt Nam, một số tỉnh phía Nam Trung Quốc, cả trong nước và quốc tế.

2.2. Một số nét về huyện Kiến Thụy.

2.2.1. Vị trí địa lý và đơn vị hành chính.

Huyện Kiến Thụy nằm ở phía Nam thành phố Hải Phòng, phía Tây Bắc và phía Bắc giáp quận Đồ Sơn và quận Kiến An, phía tây giáp huyện An Lão, phía Nam và tây Nam giáp huyện Tiên Lãng, phía Đông và Đông Nam giáp quận Đồ Sơn và vịnh Bắc Bộ.

Huyện Kiến Thụy nguyên là đất phủ Kinh Môn- Hải Phòng ngày nay. Thời Hùng Vương thuộc bộ Đông Sơn (Thăng Sơn)- một trong 15 bộ của nước Văn Lang.

Trải qua các thời đại, Kiến Thụy được tách ra, nhập vào nhiều lần. Năm 1969, Kiến Thụy và An Lão hợp thành huyện An Thụy. Năm 1980, Kiến Thụy được tách ra hợp nhất với Đồ Sơn thành huyện Đồ Sơn. Năm 1988 huyện Kiến Thụy được tái lập. Đến năm 2006, huyện Kiến Thụy được tách ra thành quận Đồ Sơn và huyện Kiến Thụy. Đến nay Kiến Thụy đã trở thành vành đai án ngữ phía Nam thành phố, gồm thị trấn huyện lỵ Núi Đồi và 17 xã: Du Lễ, Tú Sơn, Thụy Hương, Thuận Thiên, Thanh Sơn, Tân Trào, Tân Phong, Ngũ Phúc, Ngũ Đoan, Minh Tân, Kiến Quốc, Hữu Bằng, Đại Hà, Đại Đồng, Đại Hợp, Đoàn Xá, Đông Sơn. (thay đổi theo Nghị Định 145/ 2007/NĐ CP ngày 12/ 09/ 2007).

2.2.2. Điều kiện tự nhiên, dân cư .

**Diện tích và dân số*

Huyện Kiến Thụy có diện tích 164,3km² dân cư là 126.572 người (thống kê năm 2007).

**Địa hình:*

Kiến Thụy là một huyện đồng bằng, được hình thành do sự bồi lắng phù sa cửa sông Văn Úc và sông Lạch Tray ở độ cao 0,3- 1,5 so với mực nước biển, ngày càng vươn dài ra biển với những ô trũng, đầm cát. Nhờ nhờ bàn

tay, khối óc của biết bao thế hệ ng- ời dân Kiến Thụy, đã dần biến những cồn cát, đầm lầy, rừng ngập mặn trở thành những ruộng lúa, n- ơng dâu m- ọt mà xanh tốt, bao quanh những xóm làng trù phú, đông vui. Giữa vùng đồng bằng ven biển ít bằng phẳng, nhô lên ngọn núi Đồi, núi Chè ở vùng trung tâm huyện, soi bóng xuống dòng sông Đa Độ êm đềm, hiền hoà. Cảnh quan địa lý gồm cả biển rộng, sông dài, núi đồi, tạo nét thế mạnh riêng trong việc phát triển kinh tế nói chung và tiềm năng phát triển ngành du lịch, dịch vụ nói riêng.

**Khí hậu:*

Kiến Thụy nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, chịu ảnh h- ưởng của biển với 2 mùa rõ rệt:

+Mùa hè: Nóng ẩm, m- a nhiều, kéo dài từ tháng 4 cho đến tháng 10.

Trong thời gian này nhiệt độ th- ờng xuyên cao.

+Mùa đông: Khô hanh, có gió mùa Đông Bắc, kéo dài từ tháng 11 cho đến tháng 3 năm sau, nhiệt độ thấp.

Do nằm sát biển, nhiệt độ sông ngòi dày đặc, có vài ngọn đồi nên cuối huyện và đầu huyện là những tiểu vùng khí hậu có sự khác biệt nhất định. Nhìn chung nhiệt độ trung bình năm 23°C , nhiệt độ cao nhất khoảng $26,8^{\circ}\text{C}$, nhiệt độ thấp nhất khoảng $21,4^{\circ}\text{C}$.

Độ ẩm không khí bình quân bằng 86- 92%.

L- ượng m- a trung bình năm đạt 1467mm, l- ượng m- a hàng năm tập trung từ tháng 5 cho đến tháng 8(khoảng tháng 7 cho đến tháng 9 âm lịch).

**Sông ngòi:*

Sông Văn Úc chảy qua huyện, đoạn từ bến đò Sáu đến cửa sông Văn Úc là 14,75 km. Sông Văn Úc là nguồn cung cấp n- ớc chủ yếu của huyện qua các cống, đê tả ngạn, qua cống Trung Trang. Vì nằm ở hạ l- u giáp biển nên

n-ớc sông Văn Úc ở đoạn thuộc địa bàn Kiến Thụy có mật độ th-ờng xuyên cao hơn phía th-ợng l- u thuộc An Lão.

Sông nội bộ tr- ớc đây có nhiều nh- sông Cái Riêng, sông Cái He, sông Đa Độ...nh- ng từ khi làm đ- ờng quốc lộ 14, đắp đê Nghi D- ơng thì hầu nh- các sông hoạt động ít, chỉ còn sông Đa Độ hoạt động mạnh mà thôi. Sông Đa Độ tr- ớc đây có tên là Cửu Biều Giang, là một chi l- u của sông Văn úc, uốn quanh 9 khúc nh- 9 quả bầu rồi đổ ra cửa sông Cổ Trai. Sông dài 43km nh- ng phần chảy qua địa phận huyện Kiến Thụy chỉ từ đò Vọ trở xuống dài 13,25km.

Trong sách “Giao Châu thủy lục ký” tương truyền do tên tướng Trương Phụ soạn đã nhắc đến đ- ờng thủy qua các cửa Đại Bàng, Đa Ng-, Cổ Trai về kinh đô Thăng Long. Trong trận thủy chiến lớn, Quận He đã đánh tan quân Trịnh Bảng trên sông Cổ Trai. Hiện nay sông Đa Độ giữ vai trò cung cấp n- ớc ngọt cho thành phố, cho Đồ Sơn.

**Dân c- :*

Theo thống kê năm 2007, dân số toàn huyện là 126.572 ng- ời. Trong đó dân số nông nghiệp là 67.264 (chiếm 53,1%), dân số phi nông nghiệp là 59.308 ng- ời (chiếm 46,9%). Dân số Kiến Thụy phân bố khá đồng đều ở các xã, trong đó thị trấn Núi Đồi là nơi tập trung dân c- cao nhất trong huyện. So với toàn thành phố, dân c- kiến Thụy chiếm khoảng 10%.

Trong những năm qua, do thực hiện tốt công tác Dân số- Kế hoạch hoá gia đình nên tỷ lệ gia tăng dân số tự nhiên (năm 2007) chỉ còn 1%.

Dân c- trong huyện hầu hết là ng- ời Kinh, gồm 30 dòng họ, tiêu biểu nh- các dòng họ Mạc, Tạ, Bùi, Cao, D- ơng, Đỗ, Đào, L- u, Lê, Ngô, Nguyễn....nhiều họ gốc lâu đời ở đây là con cháu họ Mạc. D- ới thời phong kiến khi Lê- Trịnh chiến thắng nhà Mạc đã tìm cách tiêu diệt tận gốc hoàng thân quốc thích, nh- ng thực tế đã chứng minh sự tru di khó mà tuyệt đối, vì có những ng- ời đã đổi họ hoặc bỏ đến một nơi rất xa.

Dân c- Kiến Thụy tập trung chủ yếu ở vùng nông thôn, dân thành thị của huyện hầu nh- không biến đổi nhiều.

Là một huyện nằm khá gần thành phố và khu du lịch Đồ Sơn nên trong những năm vừa qua, số dân c- nông thôn chuyển sang làm các ngành nghề phi dịch vụ ngày càng tăng. Đây là điều kiện vô cùng thuận lợi để phát triển các ngành dịch vụ ở Kiến Thụy, trong đó có ngành du lịch.

**Ngành nghề:*

Người dân Kiến Thụy chủ yếu làm nghề nông.

+Trồng trọt: Ng-ời dân vẫn cấy lúa theo 2 vụ chính là vụ chiêm và vụ mùa, ngoài ra còn trồng các loại rau màu, các loại khoai lang, đậu đỗ, lạc, thuốc Lào.

+Chăn nuôi: Ngoài các loại gia cầm và gia súc thông thường, Kiến Thụy còn nổi tiếng với giống lợn Ông Bò ở xã Kỳ Sơn. Và vào tháng 2 Âm lịch hàng năm, người dân nơi đây thường tổ chức lễ hội rước giống lợn này vô cùng độc đáo.

Ngoài ra, dân các làng Quần Mực, Đông Tác, Đa Ng-, Ngọc Tích, Cổ Trai và Vạn Chài Nam Hải, Thủy Giang có nghề đánh cá lâu đời.

Các làng nghề thủ công ở Kiến Thụy nh- Đức Phong, Phong Cầu có nghề rèn sắt, Đại Lộc có nghề dệt lụa thô. Các làng có nghề đan l-ới, chế biến hải sản, sản xuất vật liệu xây dựng, sản xuất nông cụ đơn giản nh- cày, bừa, mai, cuốc, xe cải tiến, đáp ứng đủ nhu cầu của ng-ời dân trong huyện và sửa chữa máy công tác của các trạm cơ giới.

2.2.3. Lịch sử, văn hoá- xã hội và kinh tế huyện Kiến Thụy.

**Lịch sử:*

Trong lịch sử dựng n-ớc và giữ n-ớc của dân tộc, Kiến Thụy đã từng nổi tiếng là căn cứ kháng chiến, nơi tụ nghĩa của phong trào nông dân nổi lên chống lại ách thống trị, c-ờng quyền.

Năm 40- 43, tuy c- dân làng mạc còn khá th- a thót, song nhiều ng- ời đã theo nữ t- ớng lê Chân tham gia khởi nghĩa Hai Bà Tr- ng.

Năm 727, Tr- ơng Liễn- ng- ời làng xã Du Lễ tham gia khởi nghĩa Mai Thúc Loan

Năm 776, Tr- ơng Nữu- con Tr- ơng Liễn lại tập hợp nghĩa binh kéo lên Đ- ờng Lâm(Vĩnh Phúc) tham gia khởi nghĩa của Phùng H- ng chống lại ách đô hộ của nhà Đ- ờng (766- 791).

Vào thế kỷ thứ 13, nhân dân Nghi D- ơng có công xây dựng căn cứ thủy quân nhà Trần ở tháp Nhĩ Sơn (Đồ Sơn). Năm 1285 giúp vua Trần thực hiện cuộc rút lui chiến l- ọc vào Thanh Hoá để tổ chức phản công giặc Nguyên Mông. Vũ Hải là ng- ời xã Du Lễ có nhiều công lao, đ- ợc phong cho làm phó đô trung lang t- ớng rồi thăng lên phó đô ngự sử.

Năm 1419, nhà s- Phạm Ngọc ở Đồ Sơn khởi nghĩa, dân chúng Nghi D- ơng theo rất đông.

Năm 1744, Nguyễn Hữu Cầu lấy Đồ Sơn- Nghi D- ơng là một căn cứ khởi nghĩa. Nghĩa quân làm lễ tuyên thệ ở một cửa sông. Đúng lúc đó, cá he (cá heo) nổi lên nh- vui mừng, nghĩa quân bèn tôn chủ t- ớng là Quận He và đặt tên cho dòng sông là sông He. Cuộc khởi nghĩa đó kéo dài đến 10 năm.

Vào những năm 1821- 1827, Phan Bá Vành chọn Đồ Sơn- Nghi D- ơng là một trong những căn cứ để khởi nghĩa. Nhiều trận đánh lớn diễn ra ở ngã 3 Cát Bạc (Tân Trào), Cổ Trai, Quần Mực.

Phong trào chống Pháp tr- ớc khi có Đảng lãnh đạo, nổi lên cuộc khởi nghĩa của Mạc Đình Phúc, địa bàn hoạt động chủ yếu ở Hải D- ơng, Hải Phòng, Kiến An (1897), của Phạm Văn Mộc ng- ời làng Kỳ Sơn, một khâm sai đại thần của triều đình lãnh đạo nhân dân chống Pháp ở Nghi D- ơng, An Lão, Tiên Lãng... Năm 1929, Việt Nam quốc dân Đảng của Nguyễn Thái Học thành lập chi bộ ở một số nơi huyện Kiến Thụy, giáo thụ phủ Kiến Thụy là Vũ

Văn Giải đ- ọc cử làm bí th- tỉnh bộ Kiến An. Dân chúng Phong Cầu, Đại Trà tích cực khởi nghĩa.

Những năm 1930- 1944, nhân dân Kiến Thụy hăng hái tham gia phong trào đấu tranh cách mạng do Đảng lãnh đạo. Ngày 22/ 9/ 1944, chi bộ Đảng cộng sản Đông D- ơng đầu tiên của huyện đ- ọc thành lập thuộc làng Kính Trục tổng Lão Phong.

Ngày 12/ 7/ 1945, nhân dân làng Kim Sơn, các vùng phụ cận và một số ấp trại cuối huyện Tiên Lãng kéo về sân đình làng Kim Sơn, thành lập Ủy ban dân tộc giải phóng. Kim Sơn trở thành nơi giành chính quyền sớm nhất tỉnh Kiến An cũ và toàn thành phố Hải Phòng. Ngày 16/ 8/ 1945, Ủy ban cách mạng lâm thời huyện Kiến Thụy đ- ọc thành lập gây tiếng vang lớn, cổ vũ phong trào tiến lên giành chính quyền ở tỉnh Kiến An và vùng duyên hải Bắc Bộ, góp phần làm nên cách mạng tháng Tám vĩ đại.

Trong những năm tháng chống thực dân Pháp xâm l- ọc, cùng với cả n- ớc, nhân dân Kiến Thụy đã lập đ- ọc nhiều chiến công oanh liệt, buộc thực dân Pháp phải đầu hàng vô điều kiện và ký hiệp định Giơnevơ về lập lại hoà bình ở Việt Nam và Đông D- ơng, đưa nhân dân ta từ thân phận nô lệ lầm than trở thành chủ nhân thực sự của đất n- ớc.

Sau ngày Hải Phòng đ- ọc hoàn toàn giải phóng (13/ 5/ 1955), Đảng bộ, quân và dân huyện kiến Thụy bắt tay ngay vào việc khắc phục hậu quả của chiến tranh, tháo dỡ hàng nghìn quả bom mìn, phá bỏ hệ thống đồn bốt của giặc, khai hoang, phục hoá đất đai, khắc phục thiên tai lũ lụt, nhanh chóng đẩy mạnh sản xuất, ổn định đời sống cho nhân dân.

Tiếp theo là những năm tháng cùng cả n- ớc và thành phố thực hiện 2 nhiệm vụ: xây dựng và bảo vệ chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đấu tranh chống đế quốc Mỹ ở miền Nam. Trong sự nghiệp chống mỹ cứu nước, nhân dân Kiến Thụy vừa tiến hành sản xuất, vừa chiến đấu, bắn rơi nhiều máy bay, tàu

chiến Mỹ, bắt sống nhiều giặc lái Mỹ khi chúng xâm phạm vùng trời, vùng biển, gây tội ác với nhân dân.

Chiến công của Đảng bộ và nhân dân Kiến Thụy đã góp phần cùng cả n- ớc trong công cuộc chống chiến tranh phá hoại miền bắc xã hội chủ nghĩa của đế quốc Mỹ, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn trong việc giải phóng miền Nam thống nhất đất n- ớc.

**Văn hóa- xã hội.*

Công tác xã hội hóa giáo dục của huyện cũng được đẩy mạnh, 100% số xã trong huyện có trường học cao tầng, tạo điều kiện phát huy hiệu quả dạy và học. Năm 2000, huyện được công nhận phổ cập PTCS.

Hoạt động văn hóa thể thao cũng phát triển sâu rộng từ huyện đến cơ sở. Đời sống của nhân dân ngày càng được cải thiện và nâng cao. 100% các xã, thị trấn có nhà văn hóa và điểm bưu điện văn hóa , 36 làng có trung tâm văn hóa làng. Năm 2003 các vận động viên tham gia các giải đấu của thành phố và đạt được nhiều thành tích cao.

Công tác chăm sóc sức khỏe cho người dân cũng được đẩy mạnh. Huyện có các trung tâm y tế và 3 trung tâm khu vực có phòng khám đa khoa tại các xã Hưng Đạo, Tú Sơn, Kiến Quốc. 100% số xã có bác sĩ.

Ở Kiến Thụy có nhiều di tích văn hóa lịch sử, cùng với đó là nhiều lễ hội trong huyện được tổ chức như: Lễ hội vật cầu Kim Sơn ở xã Tân Trào, lễ hội Minh Thè đền chùa Hòa Liễu, lễ hội đua thuyền Rồng trên biển làng Nam Hải xã Đoàn Xá (mùng 6 tháng giêng), lễ hội Mạc Đăng Dung ở Cổ Trai, Ngũ Đoan (22 tháng 8)...

**Kinh tế:*

Kiến Thụy có nhiều tiềm năng để phát triển kinh tế xã hội, đặc biệt là phát triển nông nghiệp và thủy sản, du lịch, dịch vụ. Trong một tương lai

không xa thị trấn Núi Đồi sẽ trở thành nơi tham quan, nghỉ dưỡng lý tưởng của du khách khi đến với Kiến Thụy.

Trước hết có thể khẳng định rằng trong những năm qua nền kinh tế của huyện chuyển biến khá mạnh mẽ, đạt được nhiều thành tựu nổi bật trong việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp, tăng tỷ trọng ngành công nghiệp và dịch vụ.

Sản xuất nông nghiệp có tốc độ tăng trưởng ngày càng nhanh. Thế mạnh về thủy sản được phát huy. Trên địa bàn huyện ngày càng xuất hiện nhiều mô hình nuôi thâm canh đạt năng suất cao như nuôi tôm sú, nuôi cá rô phi đơn tính. Cùng với phát triển nuôi trồng thủy sản, khai thác hải sản cũng được khuyến khích phát triển.

Sản xuất công nghiệp có sự phát triển mạnh, nhà máy giấy Việt- Hàn thu hút hàng trăm lao động của huyện và cả nước vào làm việc, góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người dân.

Thương mại và dịch vụ ngày càng tăng cao. Năm 2006, huyện đón gần 20.165 lượt khách du lịch. Năm 2007, đón gần 35.894 lượt khách du lịch. Đến năm 2008 con số khách du lịch của huyện tăng lên gần 48.995 lượt.

Bảng 1: Số lượng khách du lịch đến huyện Kiến Thụy và Hải Phòng từ 2006- 2008:

Năm	Khách đến Kiến Thụy(l- ợt)	Khách đến Hải Phòng(l- ợt)	Tỷ lệ khách đến Kiến Thụy/ Hải Phòng (%)
2006	29.165	2.820.000	1.03
2007	35.984	3.342.000	1.07
2008	48.995	3.900.433	1.26

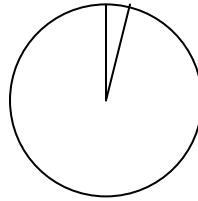
(Nguồn: Phòng văn hóa huyện Kiến Thụy)

Biểu đồ so sánh tỷ lệ khách du lịch đến Kiến Thụy so với số khách du lịch đến Hải Phòng:

Ghi chú:

 Kiến Thụy

 Hải Phòng



Cơ sở hạ tầng ngày càng được đầu tư phát triển mạnh. Nhựa hóa, bê tông hóa đường giao thông, kiên cố hóa kênh mương.

2.3. Tiềm năng du lịch văn hóa huyện Kiến Thụy:

2.3.1. Di tích lịch sử văn hóa tiêu biểu:

2.3.1.1. Đền Mỗ.

Đền Mỗ tọa lạc tại địa phận làng mỗ, xã Du Lễ, huyện Kiến Thụy, thờ Ngọc Phả Quỳnh Trân công chúa triều Trần. T-ong truyền, Quỳnh Trân công chúa vốn là tiên nữ trên thiên đình, đ-ợc đầu thai xuống trần gian làm con của vua Trần Thánh Tông. Công chúa là người đã có công lập ra điền trang, thái ấp, cấp l-ơng thực, dạy nhân dân trong vùng cách trồng trọt, làm ăn. Sau này, khi công chúa viên tịch, để ghi nhớ công lao và đức độ của ng-ời, nhân dân địa ph-ơng đã lập đền thờ ngay trên mảnh đất làng Mỗ và thay nhau đời đời h-ơng khói nên ngôi đền cũng đ-ợc đặt tên là đền Mỗ.

Ngôi đền tọa lạc trên một khu đất rộng, là nơi thờ thần, không gian đền tiêu biểu cho phong cách kiến trúc xây dựng đền ở Việt Nam. Qua cổng đền xây theo kiểu 2 tầng 8 mái với đầu đao cong vút là tới tam quan, 2 bên là 2 hàng cau xanh m-ốt toả bóng mát cùng với nhiều loại cây khác tạo không khí mát mẻ, dễ chịu, làm cho cảnh quan thêm sinh động. Bên cạnh có một chiếc ao nhỏ, ng-ời ta tin rằng n-ớc là khởi đầu của mọi nguồn hạnh phúc nông nghiệp.

Cổng tam quan chia làm 3 phần: Bên tả, bên hữu (quan cánh cổng) và lối giữa để đi vào (vọng khánh đài). Bên qua cổng tam quan là một khoảng sân rộng để du khách có thể ngắm cảnh đền. Đặc biệt ở sân đền có cây gạo đại thụ 724 năm tuổi là minh chứng cho sự ra đời và tồn tại của ngôi đền. Cứ vào tháng 3 hoa gạo nở đỏ rực trời, d- ối sân đền tràn ngập một màu hoa đỏ.

Cấu trúc đền gồm 3 gian hậu cung, 5 gian trung đ- ờng, 5 gian tiền đ- ờng. Nhà tiền đ- ờng thờ vua Trần Thánh Tông. Nhà trung đ- ờng thờ Mẫu và Đức Thánh Trần.

Hậu cung là nơi thờ công chúa Quỳnh Trân, bàn thờ đ- ọc bài trí theo 3 bậc tam cấp. hai bên tả, hữu thờ ngũ xà phúc thần. Trên cửa võng có hình Rồng phủ. Đề tài đ- ọc chạm khắc và trang trí là tứ linh (tùng, cúc, trúc, mai), tứ quý (long, lân , quy, ph- ụng).

Năm 1991, đền Mỗ đã đ- ọc sở Văn hoá thông tin Hải Phòng công nhận là di tích văn hoá cấp thành phố.

2.3.1.2. Chùa Trà Ph- ụng

Chùa Trà Ph- ụng có tên chữ là Thiên Phúc tự hay còn đ- ọc gọi là chùa Bà Đanh, thuộc thôn Trà Ph- ụng, xã Thụy H- ụng, huyện Kiến Thụy. Theo hoà th- ụng Thích Quảng Mậu- ng- ời trụ trì chùa Trà Ph- ụng từ nhỏ thì chùa Trà Ph- ụng đã có từ lâu đời, ở cuối làng Trà Ph- ụng, nền cũ là khu gò cao thời chiến tranh phá hoại đặt ụ pháo. Có thể về sau chùa chuyển về địa điểm gần ven đầm cống hiện nay. Chùa trà Ph- ụng đ- ọc nhiều ng- ời biết đến và chùa cũng gắn liền với sự tích bà chúa mặc, tức bà Vũ Thị Ngọc Toàn, vợ cả của Thái tổ Mạc Đăng Dung. Ngạn ngữ địa ph- ụng có câu: “ Cổ Trai đế vương, Trà Phương công chúa” là chỉ 2 nhân vật lịch sử này. Theo sử cũ, bà Vũ Thị Ngọc Toàn lấy Mạc Đăng Dung từ khi ông này còn hàn vi, giúp chồng quán xuyến việc nhà. Khi Mạc Đăng Dung lên ngôi bà đ- ọc phong hoàng hậu. Bia chùa Bảo Lâm, xã Châu Bộ, huyện Giáp Sơn nay thuộc Kinh Môn ghi: “Vũ thái hậu là bậc thánh mẫu của vương triều”. Bà sùng đạo Phật, đã đứng ra làm

chủ hội h- ng công nhiều chùa. Số tiền ruộng mà bà cúng cho các chùa không nhiều, song nhờ có bà mà hoàng thân, công chúa, quan lại mới h- ởng ứng. Chùa Trà Ph- ong- quê bà ghi công là hội chủ h- ng công tu tạo và cống vào chùa 1 mẫu 9 sào ruộng.

Dấu vết nghệ thuật Mạc còn lại ở chùa Trà Ph- ong chỉ còn lại một số thêm đá bệ đá, bởi vì sau khi chiến thắng nhà Mạc, nhà Lê- Trịnh đã cho phá huỷ hầu hết các công trình nghệ thuật có liên quan đến nhà Mạc. Phong cách kiến trúc chùa hiện còn tiêu biểu phong cách kiến trúc Nguyễn đầu thế kỷ 20 do một phụ nữ làng này lấy Đuy-răng ng- ời Pháp- phiên âm Hán Việt ghi ở bia của chùa là Di Lang- th- ong gọi là ông chủ Nhật trình, đứng tên sửa chữa lớn chùa làng. Bia ghi công đúc ở chùa còn viết bằng chữ Hán và chữ Quốc ngữ.

+ Bia đá tạc năm Thuận Phúc sơ niên (1562). trên bia ghi “Tu tạo bà Đanh tự chi bi”, chép lại việc Thái hậu và các v- ong phi, hoàng hậu góp công, góp của tu sửa chùa. Mặt sau ghi số ruộng bà cúng vào chùa làm cửa tam bảo. Tấm bia hiện để trong nhà bia ở tr- ớc v- ờn tháp gần lối đi vào chùa cao 1,035m, rộng 0,68m, dày 0,2m. Cả 2 mặt bia đều có chữ Hán và đặt trên bệ mới xây bằng xi măng. Mặt tr- ớc đ- ọc chạm hình 2 con rồng châu mặt nguyệt, xung quanh chạm cúc dây kiểu tay m- ớp. mặt sau bia chạm 2 con ph- ong, hình hoa cúc tròn. Đặc biệt 2 bên thành bậc nhà bia có trang trí đôi sáu đá, đ- ọc tạo dáng theo lối t- ợng tròn, một trong những sản phẩm nghệ thuật tiêu biểu của văn hoá Mạc thế kỷ thứ 16 hiện còn lại ở Hải Phòng.

Chùa còn l- u giữ khá đầy đủ bộ t- ợng pháp dân gian theo nghi thức nhà Phật, nh- ng có giá trị nhất là 2 pho t- ợng bằng đá xanh:

Một pho vẫn đ- ọc nhân dân và nhà chùa gọi là t- ợng vua Mạc Thái Tổ. Tượng mặc áo bào, dáng t- ợng chắc mập, mình hơi dẹt, dáng ng- ời đứng tuổi, mũi cao, mắt dài, ng- ời xếp bằng, để lộ bàn chân phải để trần, hai bàn tay nắm vào nhau, bàn tay phải úp lên toàn bộ bàn tay trái, bàn tay trái chỉ để lộ một

ngón tay cái. Đầu đội mũ cao thành, mặt tr-ớc mũ chạm nổi một con chim đuôi dài, cách xoè rộng lao xuống, vành mũ chia thành 2 hàng có trang trí các vạch dọc và chấm tròn.

Pho t-ợng thứ 2 đ-ợc gọi là t-ợng bà Chúa, đ-ợc tạc theo dạng phù điêu đặt trong một phiến đá hình tấm bia đặt trên đ-á bệ đá hình hoa sen liền khối cao 1,04m. T-ợng đ-ợc đặt ở gian giữa, ở bậc đầu tiên của phật điện. Dáng t-ợng là một phụ nữ trung niên vẻ mặt phúc hậu, tóc buông dài. Nhân dân địa ph-ợng gọi là tượng Thái hậu Vũ Thị Ngọc Toàn. T-ợng được khắc chìm trong mặt bia cao 76cm, t- thể ngồi thiền, vẻ mặt trầm lặng, khuôn mặt thanh thoát, sâu lắng. Những mô típ trang trí ở trán bia, diềm bia và bệ đỡ bia thể hiện phong cách Mạc rõ nét.

Ngoài 2 pho t-ợng đá đ-ợc mô tả trên, ở nơi cao và sâu nhất của toà Phật điện là nơi ngự của hàng tượng Tam thế, gọi đầy đủ là “thường trụ tam thế diệu pháp thân” đại diện cho các vị Phật ở 3 thời: Quá khứ, Hiện tại và Vị lai. Niên đại nghệ thuật của bộ t-ợng tam thế này có thể muộn hơn nhiều so với t-ợng Mạc Thái Tổ và t-ợng bà Vũ Thị Ngọc Toàn. Song qua mô típ trang trí rồng trong ô hình lá đề- một biểu t-ợng của Phật pháp, càng khẳng định thêm giá trị nghệ thuật của chùa, đ-ợc cha ông ta sáng tạo cách đây 400 năm.

Tóm lại qua những di vật văn hoá và bản thân cảnh quan, kết cấu của ngôi chùa, có thể nói chùa Trà Ph-ợng là một bảo tàng văn vật thời Mạc có giá trị tại Hải Phòng.

Không chỉ có giá trị về lịch sử, là hiện diện của đất n-ớc gắn liền với vận hội của v-ợng triều mạc nổi tiếng, nơi l- u thờ t-ợng Mạc Thái Tổ và Thái hậu Vũ Thị Ngọc Toàn, là địa danh có sự đóng góp to lớn trong công cuộc chống giặc ngoại xâm bảo vệ đất n-ớc mà chùa Trà Ph-ợng còn mang giá trị văn hoá sâu sắc, là một di tích đẹp cả về cảnh quan lẫn công trình kiến trúc, một bảo tàng nghệ thuật mạc thu nhỏ. Chùa còn là nơi duy trì hoạt động văn hoá văn nghệ dân gian mang đậm bản sắc địa ph-ợng. Tr-ớc đây vào lễ hội

mùa thu tháng 8, làng Trà Ph-ong tham gia bơi thuyền, hát đúm cùng các xã lân cận. Ngày giỗ tổ hàng năm vào 21- 22 tháng giêng hàng năm thu hút nhiều Phật tử và khách thập ph-ong đến dự.

2.3.1.3. Từ đ-ờng họ Mạc:

Từ đ-ờng họ Mạc là tên gọi nơi thờ cúng mà con cháu họ Mạc xây dựng để làm nơi thờ cúng các bậc tiền nhân của dòng họ mình, nằm ở thôn Cổ Trai, xã Ngũ Đoan, huyện Kiến Thụy.

Vào thế kỷ 16, địa bàn làng Cổ Trai thuộc huyện Nghi D-ong phủ Kinh Môn, Trấn Hải D-ong, đ-ọc sử sách n-ớc ta cũng nh- những câu chuyện l-u truyền trong dân gian nhắc đến nh- một chốn địa linh, vì đây là nơi phát tích của dòng họ Mạc mà ng-ời đầu tiên dựng lên đế nghiệp là Mạc Đăng Dung. Đồng thời nơi đây cũng đ-ọc biết đến giống nh- kinh đô thứ 2 hồi thế kỷ thứ 16 khi đế nghiệp của dòng họ Mạc đang vào thời kỳ thịnh trị.

Cũng giống nh- các triều vua tr-ớc, mỗi khi lập nghiệp th-ờng h-ớng về quê h-ong- nơi mình sinh ra rồi đ-ọc phát tích, nơi có từ đ-ờng của dòng họ, lăng mộ của tổ tiên nh- nhà Lý đối với Đình Bảng (Hà Bắc), nhà Lê ở Lam kinh (Thanh Hoá). Nhà Mạc sau khi lên nắm chính quyền cũng đã h-ớng về Cổ Trai quê h-ong bằng việc biến nơi đây thành một trung tâm kinh tế- chính trị- văn hoá, xây dựng cung điện và đặt tên là D-ong Kinh.

Cũng giống nh- ngôi từ đ-ờng của các dòng họ trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam, từ đ-ờng họ Mạc là một công trình đ-ọc dựng lên để thờ cúng các bậc tiền nhân của dòng họ mình. Tuy nhiên có một điểm khác biệt với các từ đ-ờng khác, từ đ-ờng họ Mạc là một di tích quan trọng mà lịch sử xây dựng, tồn tại, mất đi rồi khôi phục lại của nó luôn gắn với một v-ong triều phong kiến Việt Nam ttrong suốt thế kỷ 16. Từ đ-ờng cùng với lăng mộ tổ tiên của họ Mạc đ-ọc lịch sử nhắc đến một cách rõ ràng và t-ờng tận bắt đầu từ sự kiện Mạc Đăng Duong lên ngôi vua lập ra một v-ong triều mới. Vì vậy có thể coi từ đ-ờng họ Mạc là di tích vật chất duy nhất còn lại cho đến ngày nay tại

thôn Cổ Trai, xã Ngũ Đoan, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng có sức thuyết phục minh chứng cho sự ra đời, hưng thịnh, suy vong của vương triều Mạc trên đất Đông Kinh xưa.

Cách đây 400 năm tại thôn Cổ Trai, huyện Nghi Đông, phủ Kinh Môn, trấn Hải Đông, Mạc Đăng Dung- hậu duệ 7 đời của dòng quốc trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi thời vua Trần Anh Tông đã được sinh ra từ một gia đình làm nghề đánh cá. Thời trai trẻ, ông có sức khỏe hơn người, nên d-ới đời vua Lê Uy Mục, ông đã dự thi môn đồ vật và trúng tuyển với danh hiệu “Đô lực sĩ”, được xung vào đội túc vệ.

Sau 17 năm từ một người lính túc vệ, ông trở thành một người chỉ huy toàn quân nắm giữ trong tay toàn bộ quân đội của nhà Lê d-ới đời vua Lê Chiêu Tông.

Xã hội phong kiến Việt Nam thời Lê sơ, bước sang thế kỷ 16 đã bước vào giai đoạn suy tàn. Trong bối cảnh đất nước rơi vào sự khủng hoảng sâu sắc, Mạc Đăng Dung nổi lên như một nhà quân sự chính trị có tài, trong triều dần thâm tóm được hết các quyền lực quan trọng, dẹp yên sự nổi loạn của các phe phái trong hoàng cung và được các đại thần ủng hộ. Trước sự đòi hỏi của lịch sử lúc ấy, Mạc Đăng Dung đã dần bước lên vũ đài chính trị và lập nên một vương triều mới: Vương triều Mạc, đóng đô ở Thăng Long, đặt kinh đô thứ 2 ở Đông Kinh- quê hương nhà Mạc, lập đền miếu, xây dựng cung điện ở Cổ Trai. Đến năm 1530 thì Mạc Đăng Dung nhường ngôi cho con trưởng là Mạc Đăng Doanh, lên làm Thái thượng hoàng sau khi đã ở ngôi được 3 năm. Truyền đến đời vua thứ 5 là Mạc Mậu Hợp (1562- 1592) thì nhà Mạc chính thức có thời gian trị vì đất nước trong 65 năm. Năm 1592, bị Bình An Vương Trịnh Tùng đánh bại ở Thăng Long, giành lại ngôi báu cho nhà Lê. Nếu tính cả thời gian nhà Mạc cát cứ tại Cao Bằng thì vương triều này tồn tại khoảng 150 năm trong lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam hồi thế kỷ 15- 16.

Trải qua 400 năm, sau khi lật giở lại những trang sử về v-ong triều Mạc, những dấu tích còn sót lại ở Cổ Trai- quê h-ong nhà Mạc, chúng ta sẽ có đ-ợc cái nhìn đúng đắn về v-ong về những đóng góp, về vị trí vai trò của v-ong triều Mạc trong tiến trình lịch sử Việt Nam

Từ đ-ờng họ Mạc tại thôn Cổ Trai, xã Ngũ Đoan, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải phòng hiện tại là một công trình kiến trúc có quy mô vừa phải mang phong cách nghệ thuật thời Nguyễn, từ đ-ờng đ-ợc xây dựng trên một mặt bằng cao ráo, quay về h-ớng Tây.

Mặt bằng công trình đ-ợc bố trí theo kiểu chữ nhất (-), gồm 3 gian 4 vì, toàn bằng gỗ lim, gian giữa đặt t-ợng và ban thờ Thái tổ Mạc Đăng Dung, gian hữu đặt t-ợng và ban thờ Mạc Đăng Doanh, gian hữu là ban thờ các vị quan cận thân của nhà Mạc. Kết cấu vì nóc mái kiểu “ kẻ chông giá chiêng”. những mảng chạm khắc trên kiến trúc gỗ đều rõ ràng, đ-ờng nét khoẻ khoắn.

Tại di tích họ Mạc còn l- u giữ nhiều hiện vật bằng gốm, sứ, gỗ, bia ký, đồ tế tự...liên quan đến việc thờ cúng, t-ợng niệm các vua của v-ong triều. Tập văn khấn chữ Nho, ngai án, bài vị, 2 vị vua kế tiếp là con trai tr-ởng Mạc Đăng Doanh (1530- 1540), cháu đích tôn là Mạc Phúc Hải (1541- 1546), đồng thời tập văn khấn cúng đã đề cập đến một số vị t-ớng lĩnh cao cấp gần gũi với v-ong triều nh- Vũ t-ớng công, Phạm t-ớng công, đồng thời là tổ của những dòng họ quanh khu vực Cổ Trai hiện nay.

Lễ hội truyền thống của từ đ-ờng họ Mạc diễn ra vào ngày 22/ 8 Âm lịch hàng năm. Vào ngày này con cháu hậu duệ của họ Mạc về mảnh đất Cổ Trai, dâng h-ong tại từ đ-ờng của dòng họ Mạc. Đến nay đã lập đ-ợc danh sách 359 chi họ Mạc và chi họ gốc mạc ở 25 tỉnh thành phố. Đây là dịp để các chi họ mạc và chi họ gốc Mạc.

Từ đ-ờng họ Mạc không chỉ tồn tại với chức năng thờ cúng của dòng họ đơn thuần, mà còn là nơi ghi dấu sự tồn tại của một v-ong triều phong kiến trong tiến trình lịch sử dân tộc Việt nam đang đ-ợc nhìn nhận và đánh giá là

một v- ong triều khá tiến bộ và có nhiều đóng góp. Nhất là những di sản văn hoá mang phong cách nghệ thuật thời Mạc để lại đến nay đ- ợc coi là là những di sản mang niềm tự hào lớn lao trong kho tàng di sản văn hoá Việt Nam.

Tháng 9 năm 2004, từ đ- ờng họ Mạc đã đ- ợc công nhận là di tích lịch sử cấp quốc gia.

2.3.1.4. Đình Kim Sơn:

Đình Kim Sơn thuộc địa bàn thôn Kim Sơn xã Tân Trào huyện Kiến Thụy cách trung tâm thành phố 20km về hướng Tây Nam. Đây là một trong những di tích cách mạng của thành phố Hải Phòng được bộ Văn hóa Thông tin xếp hạng rất sớm (12/ 6/ 1986).

Đình có kiến trúc nghệ thuật thời Nguyễn, kiểu chữ Đinh (J). Đình được xây bằng gỗ, cửa được làm theo kiểu bức bàn, có thể tháo rời ra trong những ngày hội có nhiều người để tạo không gian rộng hơn. Nền đình khá cao, có 7 bậc thêm bằng đá. Mái đình lợp ngói mũi hài, 4 đầu đao cong vút tạo cảm giác thanh thoát, nhẹ nhàng cho ngôi đình. Theo truyền ngôn, đình thờ thần Nam Hải Đại Vương và Thiên quan Vũ Muối (thần muối). Ngày trước đình Kim Sơn thường hay mở hội lớn thể hiện tính thượng võ như vật cầu, chọi gà vào những ngày đầu tháng giêng âm lịch. Đình Kim Sơn là địa điểm của những cuộc mít tinh, biểu tình nổi tiếng kêu gọi dân chúng nổi dậy kháng Nhật, đốt phá kho thóc chia cho dân nghèo thời kỳ tiền khởi nghĩa. Nơi đây đã xảy ra phong trào trốn thuế, phá kho thóc Nhật (1945).

Năm 1945, lợi dụng hình thức dạy võ cho thanh niên và nông dân để chuẩn bị các đội tự vệ chiến đấu trong toàn huyện Kiến Thụy, từ Kim Sơn đã lan rộng ra các thôn lân cận thuê lò rèn về để chế tạo các loại vũ khí, dao kiếm chiến đấu. Cơ sở Đảng và các lực lượng quần chúng ngày càng vững mạnh. Nhiều cuộc biểu tình, tuần hành thị uy tiếp tục phát triển, nhiều cuộc mít tinh

ở ngoài đường, rồi tiến tới hình thức đấu tranh vũ trang như phá kho thóc Nhật ở Đoàn Xá, ấp Vinh Quang chia cho dân cày nghèo, phá đồn Bàng La... Đình Kim Sơn là di tích lịch sử tiêu biểu cho nét nghệ thuật thời Nguyễn và chứa đựng những giá trị và ý nghĩa lịch sử to lớn.

2.3.1.5. Chùa Lạng Côn.

Chùa Lạng Côn có tên chữ là “Sùng Khánh” (Phúc lớn) thuộc địa phận xã Đông Phương huyện Kiến Thụy cách trung tâm thành phố 18km theo đường Đồ Sơn. Chùa không chỉ thờ Phật mà còn thờ 2 vị thành hoàng làng là Chu Xích Công và phò mã Đô úy Văn Định Vương Lạng Giang đô thống chế Trần Quốc Thi.

Chu Xích Công là người Dương Văn Nam (Trung Quốc) đi chu du miền Nam đến trang Đại Trà (vùng Lạng Côn xưa) thấy dân tốt thuần hậu bèn lưu ngụ ở đây mở trường dạy học. Ông được tiến cử vào triều Lê (được Lê Hoàn tin dùng). Khi giặc Chiêm quấy rối, Chu Xích Công được cử theo vua đánh giặc. Sau khi thắng trận, đội quân của ông được thưởng rất hậu, ông đã về nghỉ hưu tại trang Đại Trà. Lúc ông mất, nhà vua cử người về viếng, ban tiền bạc để nhân dân lập miếu thờ.

Trần Quốc Thi là phò mã của vua Trần. Theo suy luận của Hội đồng lịch sử thành phố, Trần Quốc Thi đã đóng góp một phần quân lương cho quân đội nhà Trần trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông thế kỷ 13. Trần Quốc Thi đã giúp dân mở mang nông nghiệp, mở trường dạy học, được nhân dân tôn là thành hoàng làng.

Chùa được làm theo hướng Tây- hướng được coi là hợp nhất trong kiến trúc Phật giáo ở Việt Nam. Tương truyền chùa được xây dựng dưới thời Lý-Trần, khi Trần Quốc Thi được phong điền trang thái ấp ở đây đã cùng dân làng tu sửa và mở mang cảnh chùa thêm đẹp. Chùa được sửa chữa 4 lần lớn 1683, 1802 đời Gia Long, 1925 và 1997. Trong kháng chiến chống thực dân

Pháp chùa gần như bị phá hủy hoàn toàn, chỉ còn lại Phật điện. Sư cụ Thích Đàm Hằng cùng dân làng và thiện nam tín nữ khắp nơi hưng công tu sửa lại ngôi chùa khang trang như ngày nay.

Cổng chùa hình nhất môn trông như một lầu điện thu nhỏ, được xây theo kiểu 2 tầng 8 mái. Nối tiếp với hồ trồng hoa sen là vườn thiềm thoáng rộng. Những vườn hoa, cây cảnh nhiều hình dáng kích thước tượng hạc rùa, đỉnh hương trầm nghi ngút. Tất cả được sắp xếp theo mộ trình tự, tạo nên vẻ trang nghiêm của cổ tự cõi linh. Trung tâm vườn thiềm đặt bức tượng đài Quan Thế Âm bồ tát trong thế đứng. Tượng cao gần 5m, tay phải cầm cành dương liễu giơ ngang vai, tay trái đặt trước bụng nâng bình nước. Tượng có khuôn mặt nữ hiền dịu thon thả thường gặp trong các chùa ở nước ta.

Chùa Lạng Côn hiện còn bảo lưu được khá nhiều di vật, bia ký có giá trị, góp phần vào việc nghiên cứu về cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông của nhà Trần thế kỷ 13. Đồng thời chùa cũng là một trong những di tích góp phần tạo nên nét đặc sắc của vùng văn hóa cổ trên đất Kiến Thụy.

Trong kháng chiến chống Pháp, chùa là địa chỉ bí mật che giấu cán bộ cách mạng. Đã có rất nhiều chiến sĩ cách mạng ở địa phương cũng như ở các nơi khác đến đây hoạt động được sư cụ Nguyễn Văn Tích che dấu. Hiện nay chùa là trung tâm tín ngưỡng tôn giáo của nhân dân trong xã. Những ngày lễ, giỗ thành hoàng làng, Phật đàn diễn ra rất trang nghiêm. Chùa đã được Bộ Văn hóa thông tin công nhận là di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia ngày 18/1/1993.

2.3.2. Lễ hội

2.3.2.1. Lễ hội vật cầu làng Kim Sơn.

Lễ hội vật cầu được tổ chức vào ngày mùng 6 tháng giêng âm lịch, tại làng Kim Sơn xã Tân Trào huyện Kiến Thụy, “ Phong đăng hoa cốc” ba năm mới được tổ chức 1 lần.

Các cụ ở thôn Kim Sơn kể lại, việc tổ chức lễ hội vật cầu chủ yếu trồng lúa ngoài đồng. Nếu năm nào lúa được mùa thì tổ chức hội vật cầu chứ không cần đợi đến 3 năm.

Tương truyền vật cầu vốn là một môn thể thao do tướng Phạm Ngũ Lão đặt ra để rèn luyện sức khỏe cho quân sĩ. Nhưng hội vật cầu ở đây có từ bao giờ thì đến nay vẫn chưa có khảo cứu tường tận. Tuy nhiên căn cứ vào đặc điểm của lễ hội mang tính thể thao thượng võ cao, tính dân tộc độc đáo thì hội vật cầu làng Kim Sơn đã có từ rất lâu và ngày càng được nâng cao, hoàn thiện trở thành lễ hội dân gian đặc trưng cho nét văn hóa của vùng.

Ngay từ ngày 30 Tết cho đến 10h trưa ngày 6 tháng giêng Âm lịch là thời gian diễn ra lễ hội. Ở 3 lối vào sân vật, dân làng đã dựng lên 3 cổng chào, quán bên rơm, cài hoa lá và treo đèn, cờ hoa đều được trang trí rực rỡ. Mỗi cổng có một kiểu khác nhau và có đại tự trang trọng bằng chữ: Kiến như tại tâm. Anh hùng trần lực. Vật ngũ giai xuân. Các dòng họ trong làng theo địa bàn sinh sống mà chia thành 3 giáp, đại diện cho 3 xóm: Giáp Đông, Giáp Nam và Giáp Bắc. Cờ và quần áo của 3 giáp được phân biệt bằng 3 màu: Đỏ, vàng và xanh. Khi vật cầu trên sân 3 màu này hòa quyện với nhau rất đẹp.

Mỗi giáp có 5 vận động viên được gọi là giai cầu, mỗi giáp lại có một tổng cờ, là người có tướng mạo đẹp, biết phát cờ cầm quân khi vào hội vật.

Quả cầu được làm từ củ chuối vườn nhà, đường kính từ 30 đến 40 cm, nặng từ 14 đến 20 kg, còn tươi được gọt tròn, nhẵn và trơn. Đúng giờ Thìn (10h sáng ngày 6 tháng giêng) bắt đầu lễ rước cầu từ đình ra sân. Đoàn rước đi vòng quanh sân trong tiếng reo hò và chiêng trống đánh rộn rã. Khi đoàn vào giữa sân thì hạ kiệu, một vị cao lão bung quả cầu gieo xuống lỗ cầu cái. Các giai cầu hò reo, chạy vòng quanh lỗ cầu. Tổng cờ chạy phát cờ ở ngoài. Sau tiếng “cắc” trống, các giáp về vị trí. Tổng cờ chạy đến bàn chủ khảo nghe lệnh rồi chuẩn bị ra quân.

Phút giao cầu bắt đầu từ hiệu lệnh trống nổi lên và thúc liên tục. Các giai cầu cũng vẫy tay, chạy tới miệng lỗ cầu và chạy vòng quanh. Mỗi giáp được cử một giai cầu xuống để tung cầu lên lỗ cái. Quả cầu rơi xuống tay giai cầu và rơi xuống đất cùng tiếng reo hò của quân cầu và người dự hội. Tiếng trống “cắc” làm hiệu lệnh ngừng keo, quả cầu lại được đưa xuống lỗ, rồi trống lại dội lên cùng tiếng reo hò. Cứ thế cho đến khi hiệu trống dội liên hồi rung lên và keo vật lại được bắt đầu.

Quả cầu từ dưới lỗ tung lên và ngay lập tức hàng chục cánh tay ôm lấy. Quả cầu trần, bóng, trơn và nặng trĩu, càng tranh giành nhiều, càng tằm đất và mưa xuân càng khó ôm. Các giáp tranh nhau quyết liệt nhằm đưa quả cầu về sân nhà. Quả cầu lúc tung cao lúc chìm trong khối người. Tổng cờ luôn theo sát quân, vừa phát cờ thúc giục, vừa ra dấu giáp tranh cầu, thỉnh thoảng lại dội lên vài tiếng reo hò vang dậy của giai cầu và người xem khi quả cầu được mang về sân nhà.

Hội vật cầu có 3 keo, khi keo vật thứ 3 gần tàn, chủ khảo ra lệnh trống tằm cầu. Quả cầu được gieo xuống ao đình gần đó, 15 giai cầu cùng người xem lao xuống nước, tranh nhau lấy một miếng cầu mang về nhà lấy “khước” của thần làng. Tương truyền, lợn ăn quả cầu này rất chóng lớn và không bị bệnh tật.

2.3.2.2. Hội thê chùa Hòa Liễu.

Hội thê chùa Hòa Liễu diễn ra vào ngày 24 tháng chạp hàng năm tại thôn Hòa Liễu xã Thuận Thiên huyện Kiến Thụy.

Hội Minh thê Hòa Liễu còn được gọi là hội “miệng thê”, được tổ chức rất trọng thể. Sau khi đọc chúc văn, lai lịch công đức của đức thánh vương (thành hoàng làng), chủ tế cùng các vị bồi tế và dân làng làm lễ tế thần, vị chủ tế làm những động tác mô phỏng phép biến trong kinh dịch, và vẽ một vòng tròn lớn ở giữa sân gọi là “đài thê”. Các vị chức sắc, tư văn và các bô lão bước

vào đài làm lễ, thắp hương, khấn vái trời đất và các vị chư thần đại diện tư văn đọc Minh thề, sau đó toàn thể những người có mặt cất vang lời thề “y như miệng thề”. Chủ tế cầm dao cầm mạnh xuống đài biểu thị sự quyết tâm. Tiếp theo là nghi lễ cắt tiết gà trống, hòa vào bình rượu lớn, mọi người truyền tay nhau “uống máu ăn thề”.

Bài Minh thề cho đến hôm nay người Hòa Liễu vẫn giữ được đoạn cuối như sau: “Tất cả chức sắc, chức dịch, bô lão và nhân dân từ kẻ sĩ đến người nông trong hương thôn, ai dĩ công vi công thì thần linh ủng hộ, ai dĩ công vi tư thì thần linh đả tử y như miệng thề”. Như vậy hội Minh thề chủ trương xây dựng xây dựng cuộc sống tốt đẹp trong làng xóm, vì việc công chống lại việc biến của công thành của riêng. Nguyên do bắt đầu từ năm 1561, bà hoàng thái hậu là Vũ Thị Ngọc Toàn, hoàng hậu của Thái tổ Mạc Đăng Dung, tự mình đứng ra và vận động các hoàng thân quốc thích, quan lại trong triều cùng dân làng đóng góp xây dựng ngôi làng trong chùa và mua hơn 25 mẫu đất cúng vào chùa. Các đời sau lại nhận thêm đất cúng tiến, tăng diện tích lên 47 mẫu. Số ruộng này được phân chia rõ ràng cho nhà chùa, cho những người cao tuổi, cho các vị đi lính, để trông cây lương thực cho việc lễ hội. Đó là của công không ai được vi phạm theo hương ước, vì vậy phải có bài thề tuân theo minh ước.

Có thể nói hội Minh thề thể hiện đạo lý, thuần phong mỹ tục của dân tộc. Và việc xây dựng làng văn hóa ngày nay càng phát huy truyền thống này.

2.3.2.3. Lễ hội rước lợn ông Bò.

Lễ rước lợn Ông Bò diễn ra vào ngày 10 tháng giêng âm lịch, tại làng Kỳ Sơn xã Tân Trào huyện Kiến Thụy.

Cách thức tiến hành: Trong làng ai sinh được con trai phải gánh tế đám, phải có nhiệm vụ nuôi một con lợn đực do trong giáp đóng tiền. Nuôi lợn có trao giải. Nếu lợn to, đạt được giải (về trọng lượng), chủ lợn được mang thủ

lợn về. Trong những năm gần đây, lễ rước lợn Ông Bò được tổ chức với các nghi lễ phù hợp với nhịp sống hiện đại mà vẫn giữ được những nét đẹp cổ truyền. “Bò” ở đây nghĩa là to. Lợn để rước vẫn là lợn đực, nhưng giao cho chủ tế nuôi trong một năm, được chăm chút trong điều kiện tốt về chuồng trại. Ngày 10 tháng giêng mới là lễ hội nhưng từ 23 tháng chạp, ông “Bò” đã được thường xuyên tắm rửa sạch sẽ cho trơn lông, đỏ da. Nửa đêm mùng 9 ngả lợn, các cụ cao tuổi đều cúng khấn. Khi đặt vào mâm rước lợn trong tư thế đứng, có trang trí bằng giấy hồng điều cùng mâm ngũ quả, các sản vật nông nghiệp và không thể thiếu bánh dày. Tất cả đặt lên kiệu và trong đoàn rước theo sau có 21 mâm lễ vật khác do 21 cụ bà đội để dâng thần linh. Lễ rước được tiến hành tại đình làng, có thêm 10 cháu tuổi từ 10- 12 tuổi cùng tham gia với các bậc cao niên. Sau lễ rước, lợn được chia cho mọi nhà để cùng hưởng lộc.

Lễ rước lợn ông Bò có ý nghĩa phát triển nông nghiệp và mang sắc thái đặc biệt. Hội này nhằm thúc đẩy tinh thần thi đua trong chăn nuôi với các quy ước, quyền lợi sát sườn người nông dân.

Ngày nay lễ rước lợn Ông Bò vẫn có tác động tới người dân Kỳ Sơn và làng vẫn còn nhiều hộ chăn nuôi lợn.

2.3.3. Làng nghề:

Nổi tiếng là làng nghề đánh cá xã Đoàn Xá. Trong nghề đánh cá ở xã Đoàn Xá là một nghề truyền thống, có lịch sử lâu đời, còn tồn tại cho đến ngày nay. Kiến Thụy có một nguồn lợi thủy sản rất phong phú, nhiều loại tôm, cá...có giá trị cao trong nước và cả xuất khẩu. Trong những năm gần đây, Kiến Thụy đã quan tâm đầu tư, nâng cấp tàu thuyền, ngư cụ, trang thiết bị hiện đại để đánh bắt xa bờ, nâng cao sản lượng, kết hợp nuôi trồng thủy sản ở ven bờ. Đây là một hướng đi đúng, phù hợp với thời đại theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

2.3.4. Âm thực:

Nổi tiếng là bánh đa làng Lạng Côn xã Đông Ph-ong. Ở xã Đông Phương huyện Kiến Thụy có nghề làm bánh đa truyền thống, được lưu truyền từ nhiều đời nay, cả bánh đa cua và bánh đa nướng. Qua thời gian, cùng với sự khéo léo và bí quyết của người nghệ nhân, đã làm nên thương hiệu và cái tên rất đỗi quen thuộc với người dân nơi đây: Bánh đa Lạng Côn

Bánh đa cua là một món ăn dân dã, đã gắn bó với người dân Hải Phòng từ rất lâu đời, và cũng đã trở thành một món ăn đặc sản của thành phố Cảng nói chung và Kiến Thụy nói riêng. Nguyên liệu làm ra món ăn này không có gì cao sang, đắt đỏ, chỉ là những nguyên liệu từ đồng ruộng, nhưng qua bàn tay khéo léo của người nội trợ, nó đã trở thành một món quà quý, là nỗi nhớ nao lòng của những người con xa quê.

Một bát bánh đa cua ngon và hấp dẫn phải hội tụ đủ 5 màu: màu gạch cua nâu hồng, màu bánh đa nâu sẫm, màu xanh của lá nôt, hành lá, rau muống, màu đỏ tươi của trái ớt và hành khô phi. Chính cái màu sắc bắt mắt kết hợp với hương vị thơm ngon béo ngậy sẽ níu chân thực khách dù chỉ một lần thưởng thức, chắc chắn sẽ là hương vị nhớ về của những người con xa quê.

Ngoài bánh đa cua, người dân Lạng Côn còn làm bánh đa nướng ngon nổi tiếng, không chỉ trong huyện mà còn trong thành phố. Bánh được làm bằng gạo thơm, ngâm nước, xay bông, tráng dày, rắc nhiều vừng đen, đem phơi khô rồi chở đi bán ở khắp các nơi trong nội, ngoại thành. Khi ăn mới nướng lên, như vậy bánh vừa nóng, vừa giòn.

Tóm lại : Với tất cả những điều kiện tự nhiên, văn hóa, xã hội, lịch sử, con người...huyện Kiến Thụy đang là một trong những huyện giữ vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế xã hội của thành phố Hải Phòng. Là huyện ven đô nằm giữa khu vực kinh tế năng động ở nội thành Hải Phòng và khu vực Đồ Sơn, Kiến Thụy có nhiều tiềm năng và điều kiện thuận lợi để phát

triển thành trọng điểm du lịch của thành phố, hình thành những tuyến điểm du lịch quan trọng mà hiện nay vẫn còn ở dạng tiềm năng .

CHƯƠNG III: TIỀM NĂNG VÀ HIỆN TRẠNG CHÙA LINH SƠN VÀ CÁC DI TÍCH LỊCH SỬ- CÔNG TRÌNH VĂN HÓA PHỤ CẬN.

3.1. Tiềm năng và hiện trạng

3.1.1 Chùa Linh Sơn Viên Giác:

Chùa Linh Sơn Viên Giác tọa lạc trên đỉnh ngọn núi Đồi, thuộc địa phận thị trấn Núi Đồi huyện Kiến Thụy. Đây là một ngôi chùa mới được xây dựng và mới khánh thành vào ngày 11/ 03 năm Kỷ Sửu. Mặc dù chưa có nhiều giá trị về lịch sử tuy nhiên nó lại có giá trị về mặt văn hóa và tâm linh đối với huyện Kiến Thụy, được xác định là trung tâm Phật Giáo của huyện.

Theo Đại Đức Thích Tục Hạnh, chủ trì chùa Linh Sơn thì trước đây, trên đỉnh núi Đồi chỉ có một am nhỏ thờ Phật, nhưng sau ngày đất nước đổi mới, để thu hút du khách đến với Kiến Thụy, lãnh đạo thành phố Hải Phòng và huyện đã đề ra dự án hình thành ở thị trấn Núi Đồi một trung tâm tín ngưỡng tâm linh, cùng với các di tích văn hóa phụ cận sẽ xây dựng nên một điểm du lịch cuối tuần lớn, hấp dẫn cho du khách. Vì vậy từ năm 1986 chùa Linh Sơn đã được xây dựng tại nơi đây với công trình đầu tiên là nhà khách và nhà thờ Mẫu. Sau đó việc xây dựng bị ngắt quãng cho đến năm 2004, chùa mới tiếp tục được xây dựng với các công trình như Đại điện, nhà Hậu, Lầu Quan âm, vườn tượng với hệ thống các pho tượng La Hán... Dự kiến còn rất nhiều công trình mới sẽ tiếp tục được xây dựng trong thời gian tới, như tiếp tục tạc tượng La Hán (dự kiến tạc 500 tượng nhưng trong giai đoạn đầu này mới tạc được 49 pho tượng). Và 500 pho tượng này sẽ được dựng trên cả 2 ngọn núi Đồi có chiều dài khoảng trên 1 km, rộng khoảng 10 ha trong rừng

cây của núi. Toàn bộ nguồn vốn để xây dựng chùa được huy động từ nguồn vốn hỗ trợ của thành phố và công đức của nhân dân.

Chùa Linh Sơn mới được xây dựng nên một số công trình trong chùa mang nét hiện đại. Ví dụ như khi mới bước vào cổng chùa du khách sẽ thấy nó chỉ là một cổng bình thường, khác với phong cách truyền thống là cổng chùa được xây là một tam quan. Qua một con đường nhỏ lát gạch, du khách sẽ tới công trình đầu tiên của chùa là nhà khách, trên tầng hai của nhà khách là điện thờ mẫu. Từ đây đi về phía tay phải sẽ là lối lên chùa.

Sau khi leo qua 49 bậc đá để lên chùa, du khách sẽ bắt gặp công trình đầu tiên trong số các công trình của chùa được xây dựng trên đỉnh núi, đó là lầu Quán Âm, bên trong đặt bức tượng Quan Thế Âm bồ tát. Trong lịch sử Phật Giáo, Quan Thế Âm là 1 trong 3 vị thánh trời Tây Phương, có lòng đại từ đại bi, sẵn sàng cứu giúp khi chúng sinh gặp nạn. Tượng được tạc trong tư thế ngồi thiền, có nhiều đôi mắt và nhiều cánh tay vươn dài để dễ dàng cứu giúp và phổ độ chúng sinh, được gọi là tượng Phật nghìn mắt nghìn tay. Đây là 1 trong 5 hình thức biến hóa của Quan Thế Âm Bồ tát. Lầu Quán Âm là một ngôi điện thờ được xây theo kiến trúc 2 tầng 8 mái với đầu đao cong vút, theo thuyết ngũ hành âm dương của Kinh Dịch: lầu vuông là dương, được đặt giữa 1 hồ nước hình tròn là âm, âm dương cùng nhau hòa hợp làm nên tinh túy của trời đất.

Xung quanh lầu Quán Âm là 8 bức tượng A La Hán, bao gồm các ngài (theo thứ tự từ trái qua phải): Phục Đa Mạt Đa ngài xôm một tay cầm quyển kinh; Tăng Già Man Đề; A Nan Vương; Xà Đa Đa; Phật Đà Nan Đề; Long Thọ Tôn Giả; Mã Minh. Từ nơi đặt 8 tượng A La Hán này đi tiếp theo con đường mòn trong vườn tượng của chùa còn có 41 bức tượng A La Hán khác, được tạc theo các tư thế đứng ngồi khác nhau, mỗi bức tượng cao gần 2m, được đặt rải rác trong vườn tượng. Theo dự kiến, ở chùa Linh Sơn sẽ cho tạc

500 pho tượng La Hán được những nghệ nhân của làng đá Ninh Vân, Ninh Bình tạc, nhưng giai đoạn đầu mới tiến hành tạc được 49 pho.

Theo lịch sử Phật giáo thì 500 vị La Hán xuất hiện ở Trung Quốc, từ “năm đầu niên hiệu Hiên Đức” (954). Khi Đức Phật Thích Ca ngồi thuyết pháp trên núi Thiểu Lĩnh thuộc dãy Hi Mã Lạp Sơn ở Ấn Độ, ban đầu những lời thuyết pháp đó chỉ được lưu truyền bằng miệng. Sau khi Đức Phật tạ thế, 100 năm sau những đệ tử của Người là các vị La Hán đã viết và ghi chép lại những lời dạy của Đức Phật trên lá bói để truyền cho đời sau.

Sau khi Đức Phật tạ thế những đệ tử của Người do sự bất đồng trong việc giải thích kinh Phật nên đã chia làm 2 phái: Đại thừa và Tiểu thừa. Đại thừa là phái của những người chủ trương thu nạp tất cả những ai muốn quy y, giác ngộ giải thoát cho nhiều người, thờ nhiều Phật, tu qua các bậc La Hán, Bồ Tát rồi đến Phật. Ở miền Bắc Việt Nam, phần lớn đều theo phái này.

Trong vườn tượng bên cạnh các tượng La Hán, còn có bức tượng Đức Phật Thích Ca, được tạc trong tư thế tọa thiền, ngồi trên tòa sen, hai bàn tay đặt lên nhau, đầu hơi cúi và mắt như đang nhìn xuống. Tai dài, chảy sệ, các nếp áo chảy thẳng.

Bước qua vườn tượng là vào tới chính điện. Chùa Linh Sơn là nơi chỉ thờ Phật, trong chính điện bày hệ thống tượng Phật theo truyền thống. Bước vào chính điện, bên tay phải là Ban Đức Ông, theo huyền thoại nhà Phật, Đức Ông là người có đất nhưng dâng cho Đức Phật để Người làm nơi truyền Phật pháp. Đứng đối với ban Đức Ông, bên tay trái là ban Đức Chúa, đây là một vị Cao tăng hiểu biết tường tận về Phật Pháp. Bên cạnh ban Đức Ông và ban Đức Chúa là tượng Hộ Pháp với 2 bức tượng Ông Thiện và Ông Ác, hai ông đều mặc áo giáp trụ hình ông như võ tướng, thể hiện là người bảo vệ Phật Pháp.

Bên phía trái chùa là nhà Tổ khang trang, thoáng mát.

Sau khi ngắm cảnh chùa và ngắm cảnh trên núi, du khách sẽ xuống theo một con đường khác. Lối xuống của chùa gồm 108 bậc lượn theo sườn núi.

Các họa tiết, hoa văn trang trí trên cửa, vì kèo đều là những đề tài như Rồng, tứ quý, tứ bình...đường nét chạm khắc trên gỗ khéo léo, tinh xảo, thể hiện cái tài của người nghệ nhân. Ở những bậc cửa lên xuống của chùa, hay trên cột, trên tường thành đều được làm bằng đá, chạm trổ nhiều nhất là hình hoa sen, là hình tượng tiêu biểu của nhà Phật.

Hội chùa Linh Sơn được tổ chức vào ngày 10/ 1 Âm Lịch, song hành cùng với hội đua thuyền trên sông Đa Độ. Trong một tương lai không xa, với những giá trị về mặt thẩm mỹ, văn hóa, chùa Linh Sơn sẽ trở thành một điểm du lịch văn hóa thu hút sự quan tâm của nhiều du khách.

Hiện nay, vào ngày mùng 1, ngày rằm hàng tháng, chùa đón rất nhiều Phật tử, tín đồ đến lễ bái. Ngày lễ, chủ nhật còn có nhiều khách du lịch nội địa, cư dân đến ngắm cảnh chùa. Đã có một số khách du lịch nước ngoài đi tour du lịch bằng xe đạp đã coi đây là một điểm du lịch dừng chân giữa chặng hành trình Hải Phòng, Kiến Thụy, Đồ Sơn. Những khách nghỉ dài ngày ở các khách sạn lớn trong thành phố như Harbourview đã coi đây là một điểm tham quan cuối tuần.

Chùa Linh Sơn nằm ở khu vực trung tâm của thị trấn Núi Đồi, về vị trí đã rất thuận lợi cho việc giao thông, đi lại. Là một công trình mới được đầu tư xây dựng, vừa hoàn thành được giai đoạn 1 nên nhiều hạng mục còn đang dở dang, chưa hoàn thiện.

Nhà chùa chưa có bãi đỗ xe cho du khách, mà trước lối lên chùa chỉ có một khoảng sân hẹp, không đủ phục vụ nếu vào dịp lễ hội truyền thống hoặc khi có một số lượng lớn khách đến thăm chùa. Đồng thời, tại thị trấn Núi Đồi chưa có khách sạn, nước máy sạch, dịch vụ bán hàng lưu niệm, giặt là... Hiện nay ở thị trấn Núi Đồi mới chỉ có 5 nhà nghỉ phục vụ nhu cầu nghỉ ngơi đơn

thuần, trung bình mỗi nhà nghỉ có 10 phòng đôi, và 2 nhà hàng, mỗi nhà hàng có 100 ghế, như vậy mới chỉ có 50 phòng nghỉ và 200 ghế thì chưa phù hợp với một trọng điểm du lịch đang được đầu tư xây dựng và chưa đủ để đáp ứng nhu cầu của lượng khách lớn trong tương lai.

3.1.2. Tượng Phật Di Lặc bên bờ sông Đa Độ.

Đến thị trấn Núi Đồi huyện Kiến Thụy, dọc bờ sông Đa Độ du khách sẽ thấy 2 bên bờ sông là một dải cây xanh tạo cảnh quan rất đẹp, nằm trong khuôn viên công viên thị trấn. Đi đến khu vực bờ sông bên cạnh tượng đài kháng Nhật, du khách sẽ thấy một bức tượng Phật Di Lặc rất lớn, được dựng từ năm 2006, nguyên liệu bằng gạch và xi măng, quét sơn giả đồng. Tượng được dựng trong tư thế ngồi cười ngả nghiêng, thò mồm, khoác áo nhưng lại để vai và mình trần, lộ ra bộ ngực và cái bụng to béo, thân hình đầy đà. Trong lịch sử Phật giáo, Phật Di Lặc là vị Phật vị lai, tiêu biểu cho tinh thần lạc quan, tu hành theo con đường khoái cảm, tượng còn được gọi bằng cái tên khác như ông Vô Lo, hay ông nhịn mặc để ăn. Vì thế người ta tạc tượng và thờ Phật Di Lặc với ước mơ về một cuộc sống luôn gặp nhiều may mắn, hạnh phúc.

Tượng Phật Di Lặc bên bờ sông Đa Độ cao khoảng 4,5m, tọa lạc giữa một công viên nhỏ nhưng rộng rãi, thoáng đãng, cảnh sắc nên thơ, được các du khách khi đến đây chọn lựa là điểm tham quan và chụp ảnh kỷ niệm độc đáo và hấp dẫn.

Tượng Phật Di Lặc bên bờ sông Đa Độ là một công trình đẹp nằm trong khuôn viên công viên thị trấn, tuy nhiên quanh khu vực đặt tượng Phật còn xuất hiện rất nhiều hàng quán của người dân làm mất mỹ quan của điểm du lịch.

Nhiều thanh thiếu niên khi đến tham quan tượng lại viết vẽ bậy, leo trèo lên tượng rất phản cảm và làm giảm giá trị của công trình.

Tượng được đặt ngoài trời nên không được bảo vệ, lại bị thời tiết tác động nhiều làm xuất hiện nhiều vết nứt nhỏ.

3.1.3. Văn miếu Xuân La

Văn miếu Xuân La tọa lạc tại làng Xuân La, xã Thanh Sơn, huyện Kiến Thụy. Theo truyền thuyết 1- u truyền trong nhân dân làng Xuân La từ nhiều đời x- a kể lại thì vào thời Lê Trung H- ng, vua đi vi hành về vùng Nghi D- ong của phủ Kinh Môn, thấy sông núi hữu tình nên dừng lại nghỉ. Đêm ngủ nằm mộng thấy thánh hiện, sáng ra cho dân tình tuần xét, quả nhiên thấy trên đỉnh Đồi Sơn (Núi Đồi) có 5 toà thạch dáng hình nh- thánh tọa. Vua cho rằng đây là đất địa linh, bèn chỉ dụ cho phủ Kinh Môn xây miếu để tôn thờ (nội dung của truyền thuyết này cũng được ghi trong bài Minh khắc trong văn bia: “Văn miếu trùng thật bia ký”, dựng ở văn miếu này đề năm Gia Long thứ 7.

Cũng theo bài văn bia này có nói: Thời Chánh Hoà(1468), quan lộ và quan phủ vẫn về đây tế. Đến thời Bảo Thái thì giao cho huyện tế (1650). Nh- vậy có thể nhận định rằng văn miếu Xuân La có từ thế kỷ 15- 16, cách ngày nay 400 năm

Về quy mô và tên gọi, một số ng- ời cho rằng đây chỉ là một Từ chỉ (Văn chỉ) của làng nên nhân dân vẫn gọi là một Từ chỉ. Nh- ng căn cứ vào những nội dung chứng cứ nh- trên thì đây là một văn miếu của phủ Kinh Môn- một vùng rộng lớn d- ới thời Lê. Ngay từ khi mới hình thành Văn miếu này đã đ- ợc gọi là Văn miếu và đ- ợc đặt theo tên làng nên gọi là Văn miếu Xuân La. Thuỷ khởi chỉ lập t- ụng thờ thánh Khổng Tử và các đệ tử của Thánh.

Vào thế kỷ 16, khi nhà Mạc lấy Nghi D- ong làm kinh đô thứ 2 (đ- ợc gọi là D- ong Kinh), Văn miếu Xuân La đã đ- ợc coi là một trường thi lớn của D- ong Kinh. Vì hiện nay xung quanh Văn miếu còn những địa danh nh- Tràng Trong-Tràng Ngoài- cửa Vua, cửa Phủ- Quán Đá... Vào thời kỳ này ở Nghi D- ong đã có một loạt nho sĩ đỗ đại khoa đ- ợc ban tiến sĩ nh- Nguyễn Văn Trống ở Cổ Trai, Bùi Tố Ch- a và Ngô Thái Cẩn ở Xuân La.

Quá trình tồn tại Văn miếu đã qua nhiều lần trùng tu. Lần trùng tu lớn nhất là năm Gia Long thứ 7 có để lại bia “Văn miếu trùng thuật bia ký”, lần trùng tu này hội T- Văn của huyện Nghi D- ơng do trung tá giám sinh Nguyễn Danh Toại- ng- ời Du lễ soạn bia để lại có dựng thạch trụ ghi ngày tháng về Văn miếu chép danh sách 14 tiến sĩ của huyện Nghi D- ơng đỗ đại khoa từ khoa thi Kỷ Sửu đời Hồng Đức (1460) đến khóa thi gần đây nhất là khoa thi năm 1795.

Lần trùng tu này vào năm Minh Mạng nguyên niên (1820) có dựng bia ghi lại khoản điền của những ng- ời từ tâm hiến làm ruộng thánh, lấy hoa lợi cho việc phúng tế (Hiện nay 2 bia này dựng ở v- ườn bia Bảo tàng thành phố Hải Phòng.

Theo lời kể của dân làng từ tr- ớc năm 1945 cho biết, x- a kia Văn miếu có quy mô to lớn, đồ sộ, gồm Điện thánh thờ Khổng Tử, Nhan Tử và Tử T- bằng t- ượng đá xanh cao to nh- ng- ời thật (các t- ượng này còn tồn tại ở miếu đến 1955); Toà điện thánh 3 gian có xà và cột bằng đá; Toà tiền tế 5 gian gỗ lim có hoành phi, câu đối sơn thiếp, tr- ớc sân có cây thạch trụ.

Khuôn viên Văn miếu rộng chừng 3 mẫu, xung quanh có nhiều cây cổ thụ, bên tả là nhà bia tiến sĩ (mỗi vị đ- ợc lập một bia nh- bài vị đặt trên l- ng rùa), bên hữu là nhà hội T- Văn, chính giữa mặt tiền là hồ Văn hình bán nguyệt.

Năm 1947, thực hiện chủ tr- ơng tiêu thổ kháng chiến, dân làng hạ hết cây to, dỡ toà nhà tiền tế và 2 bên tả- hữu, chỉ để lại điện thánh.

Năm 1951, đồn Tây ở Thiên Văn bắn ô bi về làm sạt luôn cả toà điện thánh, chỉ còn 3 pho t- ượng đá đứng chơ vơ trên nền miếu, đến năm 1955 cải cách ruộng đất, chính quyền xã thu hồi ruộng thánh chia cho nông dân, đào hồ bán nguyệt thành ao vuông, đập t- ượng thánh xuống kê cầu ao, duy chỉ để lại 2 bia: Văn miếu trùng thuật bia ký và Bia văn hội Hà Nam đứng ở 2 đầu hồi toà nhà tiền tế.

Đến năm 1977, Sở Văn hoá Thông tin Hải Phòng cử đoàn điều tra vốn cổ qua văn bia Hán nôm do cụ Đào Văn Thảo (ng- ời xã Thuận Thiên) về nghiên cứu 2 bia này rồi lập bản gửi đi, sau đó mấy tháng Sở Văn hoá cho ng- ời về đào rồi chở về đặt tại Bảo tàng thành phố.

Năm 1997 bị hạn hán, ao không có n- ớc, ng- ời dân đào đ- ợc cây thạch trưcao 1,2m, 4 cạnh rộng 0,25m, có chân khuyết nh- để dựng trên bệ, 4 mặt đều có chữ Nho, đọc đ- ợc một số nội dung là: Mùa thu ngày cát tháng 9 năm Gia Long thứ 7. Nhân trùng tu Văn miếu, hội t- văn sao chép bản danh sách 14 vị tiến sĩ của huyện Nghi D- ơng đỗ đại khoa từ thời Lê Hồng Đức để đ- a về văn miếu phụng tế. Sau đó ông Đào Văn Thảo- ng- ời đã nghiên cứu 2 tấm bia này lại cung cấp cho phòng Văn hoá huyện toàn bộ những thông tin đã ghi chép đ- ợc ở Văn miếu năm đó và giải thích rằng : Đây là một Văn miếu lớn tại Hải Phòng, có từ rất sớm. Vào khoảng thế kỷ 15- 16 ở Hải Phòng chỉ có 2 văn chỉ ở An Lão và làng Cổ Am (Vĩnh Bảo), còn văn miếu Xuân La đã có vị trí nh- một tr- ờng thi của nhà Mạc...Hơn nữa trong số 14 tiến sĩ đ- ợc thờ tế ở miếu, có 2 ng- ời ở làng Xuân La. Vì vậy Văn miếu trở thành niềm tự hào của ng- ời dân Xuân la.

Từ đây vào các kỳ thi, kỳ khai giảng năm học mới, các cháu học sinh quanh vùng đã về dâng h- ơng cầu nguyện học hành đỗ đạt. Mùa thi năm 1997- 1998 ở làng có nhiều học sinh đỗ vào cấp 3 và Đại học nên tiếng thơm của Văn miếu đ- ợc tôn thờ, nghiệp học đ- ợc ban truyền, dân làng ủng hộ gạch ngói cây xà dựng đ- ợc 3 gian văn quán.

Từ những thông tin trên, phòng Văn hoá- Thông tin và Trung tâm khoa học xã hội nhân văn thành phố đã xác định đây là di tích lịch sử văn hoá quý hiếm ở Hải Phòng nên đã ủng hộ quan điểm cần tu tạo phục dựng lại Văn miếu Xuân La.

Năm 2000, UBND xã Thanh Sơn đã quyết định cắt 1800m² giao lại làm khuôn viên Văn miếu và đồng ý cho chi hội ng- ời cao tuổi thôn Xuân La vận động xây dựng lại Văn miếu.

Sau 2 năm vận động, đến năm 2002, 5 gian nhà chính của Văn miếu, cung thánh, hoành phi, câu đối đã đ- ợc tạo dựng và từ đó cơ ngơi Văn miếu mỗi năm ngày càng đ- ợc bồi đắp khang trang sầm uất. Đến nay khuôn viên Văn miếu đã có sân v- ờn, t- ờng bao, bể n- ớc, cây đèn.

Từ khi phục dựng lại Văn miếu, các hoạt động tôn s- trọng đạo quý trọng nhân tài đã trở thành nếp sống văn hoá lành mạnh và bổ ích lan rộng. Trong làng, các dòng họ lập quỹ khuyến học. Hàng năm làng tổ chức tuyên d- ơng khen th- ờng học sinh giỏi tr- ớc điện thánh. Xã, huyện tổ chức các hoạt động tuyên d- ơng tài năng, làm cho Văn miếu trở thành một địa điểm tôn vinh nhân tài, làm nên nếp sống tiên tiến, đậm đà bản sắc văn hoá tốt đẹp của quê h- ơng Văn miếu Xuân La tọa lạc tại thôn Xuân La, kiến trúc Văn miếu hiện nay còn đơn giản, chưa được phục dựng lại như cũ. Hơn nữa đường giao thông ở đây còn nhiều hạn chế. Từ thị trấn đi vào chỉ có con đường liên thôn rất nhỏ và hẹp, chỉ đủ cho người đi bộ và xe thô sơ, xe máy đi nên không thể đáp ứng được nhu cầu nếu có những đoàn khách lớn muốn đến thăm di tích.

Quanh khu vực di tích Văn miếu chưa có các cơ sở vật chất phục vụ cho du khách, như bãi đỗ xe, nơi nghỉ chân...

3.1.4. Tượng Kim Sơn kháng Nhật:

Đền thị trấn Núi Đồi, trung tâm huyện Kiến Thụy, du khách sẽ thấy có một tượng đài tạc 3 người cầm tù và, cầm dao và đánh trống, có kích thước cao bằng người thật được đặt trên bệ, xây bằng xi măng và gạch, chiều cao tổng thể cả tượng và bệ là 7 đến 8 mét. Tượng được gọi là tượng Kim Sơn- kháng Nhật. Tượng đài được xây dựng để ghi dấu một thời điểm lịch sử hào

hùng của người dân Kiến Thụy nói chung và dân làng Kim Sơn nói riêng trong cao trào đánh đuổi phát xít Nhật giành chính quyền trước cách mạng tháng Tám năm 1945.

Theo lời kể của cụ Đặng Nam, một người đã từng sống và tham gia khởi nghĩa giành chính quyền, thì bức tượng Kim Sơn kháng Nhật này tạc chân dung của những nhân vật có thật trong lịch sử kháng chiến của dân làng Kim Sơn. Vào những năm tiền khởi nghĩa, Kim Sơn là một căn cứ cách mạng quan trọng của mặt trận Việt Minh. Trong bài tổng kết lịch sử Đảng TW, đồng chí Trần Huy Liệu có nhận định: “ Vào thời kỳ 1936- 1945, hầu như các căn cứ chỉ dựa vào rừng núi để xây dựng căn cứ cách mạng, riêng Kim Sơn (Kiến Thụy) lại dựa vào lòng dân để xây dựng căn cứ cách mạng”. Vì vậy, phong trào cách mạng đã lên như vũ bão. Trước tình hình đó, tri phủ Kiến Thụy lúc đó là Trần Tự đã triệu tập gấp cuộc họp gồm Lý trưởng, Chánh tổng, phó Tổng ở trường Cổ Trai để bàn kế hoạch củng cố bộ máy chính quyền. Được tin đó, dân làng đã kéo ra trấn áp, xông vào bắt Trần Tự, tước thẻ ngà của hắn và bắt đứng dậy hứa trước dân làng rằng từ nay không đứng lên chống đối cách mạng nữa. Hôm đó là ngày 12/7/1945, dân làng Kim Sơn đã đứng lên giành chính quyền sớm hơn 1 tháng so với kế hoạch tổng khởi nghĩa trên cả nước 19/8/1945. Lịch sử TW Đảng đã nhận định: “ Tiếng trống Kim Sơn giành chính quyền có tiếng vang thôi thúc miền Duyên hải cùng cả nước tiến lên giành chính quyền”. Trước đà đi lên như vũ bão của dân làng Kim Sơn, phát xít Nhật và chính quyền phong kiến định dùng vũ lực để trấn áp và xóa sổ cách mạng. Quân Nhật đã mang theo vũ khí về khùng bỏ từ sáng nhưng đến 11h trưa ngày hôm đó chỉ tiến được đến giữa làng, do vấp phải sự kháng cự quyết liệt của dân làng, khi đó trong tay họ chỉ có những vũ khí vô cùng thô sơ như gậy, cuốc, tro bếp...

Và những nhân vật lịch sử trong cao trào này đã được khắc họa lại hình tượng trong tượng đài Kim Sơn. Khi Nhật xông vào làng, lúc đó có ông Đoàn Đắc Mãi đang ngồi đan liềm giờ dao lên chém. Tên Nhật giơ súng lên đỡ nên bị dao chém vào báng súng. Thằng Nhật liền dùng tiểu liên bắn chết ông . Vì vậy trên tượng đài có tượng người cầm dao chính là ông Đoàn Đắc Mãi.

Còn nhân vật đánh trống được dựng trên tượng đài là bà Đoàn Thị Tập (còn được gọi là bà Rèn- Rèn là tên gọi người con gái trưởng). Khi Nhật đến, bà là người đầu tiên đánh trống để cổ vũ tinh thần cho dân làng. Theo bà, tất cả mọi nơi đều đồng loạt đánh trống, chuông chùa gióng lên. Vì vậy người ta gọi là tiếng trống bà Đoàn Thị Tập (hay tiếng trống bà Rèn).

Còn nhân vật cầm loa được dựng trên tượng đài chỉ là nhân vật tượng trưng cho sức mạnh và cổ vũ cho người dân, là một nhân vật được xây dựng mang đậm tính nghệ thuật.

Trước sự kháng cự quyết liệt của dân làng Kim Sơn, lại bị quân dân các làng lân cận kéo về như nước chảy, Nhật đã phải rút khỏi Kim Sơn.

Như vậy, tượng đài Kim Sơn kháng Nhật là một công trình văn hóa vừa mang giá trị lịch sử sâu sắc, vừa chứa đựng giá trị nghệ thuật cao, biểu tượng cho trang sử hào hùng, cho sức mạnh đoàn kết của nhân dân Kiến Thụy nói chung và dân làng Kim Sơn nói riêng. Tượng đài Kim Sơn kháng Nhật cũng đã được lựa chọn để làm biểu tượng cho huyện Kiến Thụy.

3.1.5. Một số ngôi chùa lân cận.

Xung quanh chùa Linh Sơn, trong vòng bán kính 500m còn có một số chùa như chùa Núi Đồi, chùa Cẩm La, chùa Cẩm Hoàn... Những chùa này mang ý nghĩa tâm linh nhiều hơn cả. Hiện nay những ngôi chùa này đã và đang được tu bổ, sửa chữa và xây dựng mới thêm một số công trình. Việc đầu tư, tôn tạo các ngôi chùa này chủ yếu là do sự đóng góp của người dân địa phương.

3.1.6. Một số công trình văn hóa khác

+ Nhà sàn và tượng cô gái miền biển

Đến thị trấn Núi Đồi, du khách sẽ gặp một bức tượng rất lớn được người dân địa phương gọi là tượng cô gái miền biển. Tượng tọa lạc giữa công viên cây xanh bên bờ sông Đa Độ, tạc hình một cô gái đang nghiêng bình nước, mặc áo dài, tóc búi cao, là hình tượng của người phụ nữ Việt Nam.

Gần bức tượng này có dựng một chiếc nhà sàn là nơi du khách có thể nghỉ ngơi và ngắm cảnh sau một chặng đường dài đi thăm quan các điểm du lịch tại huyện Kiến Thụy.

+ Lầu Rồng và tượng 18 con Rồng trám sứ của 9 bến thuyền.

Lầu Rồng bên bờ sông Đa Độ là một công trình được xây dựng để làm nơi nghỉ chân và dạo mát, ngắm cảnh cho du khách. Lầu có 8 mái, mỗi giáp mái được đắp nổi hình con Rồng bằng cát và xi măng. Lầu Rồng được xây dựng năm 2005.

2 bên bờ sông Đa Độ tại thị trấn Núi Đồi có xây dựng 9 bến du thuyền. Ở hai bên của mỗi bến có 2 con Rồng, tổng cộng là 18 con Rồng trám sứ. Vào ngày hội và ngày lễ, các con Rồng này phun nước qua hệ thống máy bơm nước được nối từ sông lên.

Tuy nhiên mặc dù được xây dựng đã lâu, song cả lầu Rồng và bến thuyền này vẫn chưa được khai thác để phục vụ du khách hay đơn thuần là phục vụ người dân địa phương. Lầu Rồng được dựng ở giữa dòng sông, bắc cầu để đi qua nhưng hàng ngày, công trình này luôn đóng cổng nên người dân không thể ra đứng ngắm cảnh và hóng mát ở đây. Còn 9 bến du thuyền này thì mới chỉ xây dựng bến đỗ thuyền nhưng lại chưa có thuyền, nên trước mắt những công trình này vẫn chưa phát huy được hết tiềm năng và giá trị của nó.

3.2. Đánh giá chung về hiện trạng khai thác chùa Linh Sơn và các di tích lịch sử- công trình văn hóa phụ cận cho hoạt động du lịch

- Đánh giá về khách du lịch đến các điểm du lịch .

Chùa Linh Sơn và các di tích lịch sử- công trình văn hóa phụ cận là những điểm du lịch mới được xây dựng trong những năm gần đây của huyện Kiến Thụy. Chính vì mới nên hình ảnh của nó cũng như những thông tin về các điểm du lịch này chưa được nhiều du khách trong nước nói chung và trong thành phố nói riêng biết đến. Vì vậy số lượng khách đến với các điểm du lịch này còn ít nên bài toán đặt ra hiện nay là phải làm tốt công tác tuyên truyền, quảng bá để ngày càng có nhiều người biết đến những di tích và công trình này.

Khách đến thăm quan và vãn cảnh ở chùa Linh Sơn cũng như các di tích và công trình phụ cận tập trung chủ yếu vào mùa lễ hội, thường vào mùa xuân, ra giêng, vì vào thời gian này thời tiết mát mẻ, công việc nhà nông đang vào tiết nông nhàn, mọi người có nhiều thời gian để đi chơi. Hơn nữa, ở các điểm du lịch này có tiềm năng chủ yếu để phát triển loại hình du lịch tâm linh, du lịch văn hóa, mà các loại hình du lịch này cũng chủ yếu được diễn ra vào đầu năm. Còn lại phần lớn thời gian trong năm thì những nơi này thường vắng hoặc hầu như không có khách đến thăm, nên cũng ít có sự đầu tư, tôn tạo của con người.

Bên cạnh đó, lượng khách đến đây hầu hết là khách người dân địa phương, còn khách từ các quận huyện trong thành phố hay xa hơn nữa là khách từ các tỉnh khác không có nhiều. Nguyên nhân cũng một phần là do ít người biết đến nhưng quan trọng hơn là quy mô phát triển các điểm du lịch này mới chỉ dừng lại ở tính chất địa phương. Còn nếu có khách ngoài địa phương đến thăm thì thời gian họ lưu lại đây không nhiều, chỉ trong vòng 1 ngày.

Không chỉ thu hút được du khách trong nước mà còn có cả những du khách nước ngoài họ đến đây thăm quan và giải trí, nhưng khách nước ngoài phần lớn là khách đi lẻ, hầu như không có khách nước ngoài đi theo đoàn, ví dụ như khách nước ngoài đến từ khách sạn Harbourview. Hơn nữa khách nước ngoài đến thăm những điểm du lịch này chủ yếu họ coi như là điểm dừng chân giữa chặng trong tuyến du lịch Trung tâm thành phố- Đồ Sơn bằng xe đạp.

- Đánh giá về cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất phục vụ du lịch.

Trước hết có thể nói chùa Linh Sơn và các di tích lịch sử- công trình văn hóa phụ cận có một vị trí thuận lợi cho sự phát triển du lịch. Vì nằm ở trung tâm thị trấn nên các di tích và công trình này đều có đường giao thông đi lại thuận tiện, duy chỉ có một vài điểm đường giao thông còn nhỏ hẹp, xe khó đi vào như Văn miếu Xuân La, một số ngôi chùa lân cận như chùa Cẩm La, chùa Cẩm Hoàn.

Về hệ thống điện chiếu sáng và nước thì ở điểm du lịch nào cũng được xây dựng song mới chỉ dừng lại ở mức độ trung bình, chưa đầy đủ và hoàn thiện. Hệ thống điện chiếu sáng thông thường thì có song hệ thống đèn điện để trang trí thêm cho các công trình thì chưa được đầu tư như đèn chiếu ánh sáng hắt từ dưới lên ở các công trình đặt ở ngoài trời như tượng Kim Sơn kháng Nhật, tượng Di Lạc bên bờ sông Đa Độ, tượng cô gái miền biển, hoặc đèn nháy gắn trên giáp mái ở lầu Rồng thì lại không có, như vậy vào buổi tối thì du khách cũng không thể tham quan được các công trình này.

Về cơ sở vật chất kỹ thuật, cơ sở hiện có tại thị trấn Núi Đồi, vừa để phục vụ khách địa phương, lại vừa phục vụ khách du lịch. Các cơ sở vật chất phục vụ khách du lịch nói chung còn đơn giản, số lượng còn ít, chất lượng lại chưa cao, như tại các điểm du lịch chưa có bãi đỗ xe, chưa có nhà vệ sinh đủ tiêu chuẩn, các phương tiện bảo vệ môi trường như thùng rác, nơi đổ và xử lý rác thải chưa thực sự hoàn thiện.

- Đánh giá về công tác tuyên truyền, quảng bá.

Có thể nói việc tuyên truyền, quảng bá của huyện còn nhiều hạn chế, huyện chưa có nhiều hoạt động đáng kể để tuyên truyền cho những tiềm năng và thế mạnh của mình. Mới chỉ có thành phố, Sở du lịch là có các hoạt động giới thiệu về huyện như lập các trang web, đưa thông tin lên các trang này để quảng bá cho mọi người biết. Tuy nhiên các thông tin trên các trang web cũng không được cập nhật thường xuyên, thường bị cũ, khiến cho việc tiếp cận và tìm hiểu về các thông tin của mọi người bị gặp nhiều khó khăn.

- Đánh giá về tổ chức quản lý.

Nhìn chung, huyện đã có ý thức phát triển du lịch, song những ý tưởng mọi kế hoạch phát triển du lịch mới chỉ dừng lại ở Nghị quyết của Huyện ủy. Huyện đã cho xây dựng một số công trình như vườn hoa, công viên, tượng đài...2 bên bờ sông, tạo cảnh quan đẹp, hấp dẫn du khách khi đến thăm quan, dự lễ hội. Bên cạnh đó, huyện cũng đã có nhiều dự án tu tạo, sửa chữa nhiều công trình như dự án xây dựng khu tưởng niệm triều Mạc tại thôn Cổ Trai- xã Ngũ Đoan (quê hương của nhà Mạc), sửa chữa và xây dựng nhiều tuyến đường mới , trong đó có những tuyến đường dẫn tới nhiều điểm du lịch (như đoạn đường dẫn vào từ đường họ Mạc), tạo nên sự thuận lợi trong việc đi lại, góp phần phát triển du lịch của địa phương.

Tuy nhiên bên cạnh những việc làm đó, thì huyện cũng chưa có quy hoạch tổng thể cũng như những quy hoạch chi tiết phát triển du lịch trên địa bàn huyện.

Chưa có một tổ chức chuyên lo về phát triển du lịch như Ban quản lý, Ban chỉ đạo du lịch, việc không chuyên môn hóa về du lịch như vậy cũng sẽ dẫn đến hiệu quả phát triển du lịch là chưa cao .

Bên cạnh đó huyện cũng chưa thực sự chú trọng vào việc khuyến khích đầu tư vào phát triển du lịch, như chưa có các dự án cụ thể về việc phát triển

các sản phẩm du lịch như du thuyền, du lịch sinh thái, xây dựng trọng điểm du lịch... vì đây thực sự là những tiềm năng, thế mạnh của huyện vì huyện có cả rừng, sông, núi... nên nếu được đầu tư phát triển các sản phẩm du lịch này, thì hiệu quả phát triển du lịch của huyện sẽ cao.

Tóm lại, huyện Kiến Thụy nói chung và thị trấn Núi Đồi nói riêng đã và đang có nhiều điều kiện thuận lợi, tiềm năng cũng như thế mạnh để phát triển du lịch. Những thế mạnh đó huyện cần khai thác hơn nữa, chú trọng đầu tư hơn nữa để mang lại hiệu quả cao cho một ngành kinh tế mới đang bước đầu có sự khởi sắc ở đây.

CHƯƠNG IV: XÂY DỰNG CHÙA LINH SƠN VÀ CÁC DI TÍCH LỊCH SỬ- CÔNG TRÌNH VĂN HÓA PHỤ CẬN TRỞ THÀNH TRỌNG ĐIỂM DU LỊCH HUYỆN KIẾN THUY

4.1. Định hướng phát triển kinh tế xã hội và du lịch Hải Phòng và huyện Kiến Thụy trong thời gian tới.

4.1.1. Đối với thành phố Hải Phòng.

Hải Phòng là một thành phố có nhiều tiềm năng để phát triển công nghiệp và dịch vụ. Trên đà phát triển và hội nhập cùng cả nước, thành phố Hải Phòng cũng đề ra nhiều mục tiêu và định hướng phát triển kinh tế xã hội, đặc biệt trong thời kỳ 2001- 2010.

Tiếp tục đẩy nhanh quá trình xây dựng Hải Phòng trở thành thành phố Cảng văn minh hiện đại, cửa chính ra biển và là trung tâm công nghiệp, dịch vụ, du lịch, thủy sản ở miền Bắc, có nền giáo dục, đào tạo, công nghệ, môi trường, cơ sở hạ tầng phát triển, quốc phòng an ninh vững chắc và không ngừng nâng cao đời sống cho nhân dân.

Trong thời gian tới cần mở rộng đa dạng hóa các loại hình du lịch, gắn du lịch với lịch sử văn hóa truyền thống, phát triển du lịch sinh thái biển. Khai

thác tốt các tuyến du lịch đã có và mở thêm một số tuyến mới. Tiếp tục đầu tư xây dựng khu du lịch Đồ Sơn và Cát Bà trở thành khu du lịch trọng điểm quốc gia. Xây dựng những cơ chế chính sách để thu hút hấp dẫn khách du lịch.

Trong thời gian vừa qua, lượng khách du lịch đến Hải Phòng từng bước phát triển nhanh. Năm 2008, Hải Phòng đón và phục vụ 3.900.433 lượt khách, tăng 8,11% so cùng kỳ năm 2007. Trong đó khách quốc tế là 668.562 lượt, tăng 8,53%, thu về 1.160 tỷ, tăng 13,31%

Bảng 2: Lượng khách du lịch đến Hải Phòng từ năm 2004- 2008:

Năm	Tổng số khách		Khách quốc tế		Khách nội địa	
	Số lượng	Tăng % so năm trước	Số lượng	Tăng % so năm trước	Số lượng	Tăng % so năm trước
2006	2.820.000	16,80%	606.000	18,60%	2.214.000	16,80%
2007	3.342.000	18,50%	774.000	27,60%	2.568.000	16,00%
2008	3.900.433	16,70%	668.562	13,70%	3.231.871	25,85%

(Nguồn: Sở Văn hóa- Thể thao- Du lịch)

Do khủng hoảng tài chính lên l- ợng khách quốc tế đến Hải Phòng tốc độ có giảm, song l- ợng khách nội địa lại tăng đáng kể. Dự báo năm tới số khách đến Hải Phòng vẫn tăng nh- ng tốc độ chậm hơn so với các năm tr- ớc nhất là khách quốc tế.

4.1.2. Đối với huyện Kiến Thụy.

+ Mục tiêu phấn đấu đến năm 2010: Kinh tế phát triển nhanh, bền vững, đạt mức tăng trưởng bình quân hàng năm 14%. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch nhanh theo hướng CNH- HĐH. Xây dựng huyện thành trọng điểm kinh

tế, vành đai dịch vụ hàng hóa, nông sản, thực phẩm, thị trấn Núi Đồi thành đô thị vệ tinh, điểm du lịch nghỉ dưỡng cuối tuần của thành phố. Văn hóa xã hội có nhiều chuyển biến tiến bộ, quốc phòng an ninh được giữ vững, vai trò lãnh đạo của Đảng bộ được tăng cường. Đời sống vật chất tinh thần của nhân dân không ngừng được nâng cao, đạt mức trung bình của đô thị phát triển.

4.2. Một số giải pháp lớn nhằm xây dựng trọng điểm du lịch và phát triển du lịch của huyện Kiến Thụy.

4.2.1. Xây dựng, quy hoạch phát triển du lịch của huyện và xác định rõ trọng điểm du lịch của huyện.

Kiến Thụy là huyện mới được tách ra thành huyện Kiến Thụy và quận Dương Kinh. Sau khi tách ra, hiện nay huyện đang từng bước điều chỉnh quy hoạch về kinh tế, xã hội, du lịch....

Có thể nói, Kiến Thụy là một mảnh đất sơn thủy hữu tình, với nhiều cảnh quan đẹp, hấp dẫn, nhiều di tích văn hóa và huyền thoại. Nhưng những tài nguyên đó chưa được quan tâm và quy hoạch hợp lý cả về tổng thể và chi tiết. Song song với việc quan tâm quy hoạch về kinh tế xã hội, huyện cũng cần đầu tư quy hoạch tổng thể phát triển du lịch.

* Việc xây dựng, quy hoạch du lịch của huyện cần đạt được các yêu cầu là:

- Khai thác tài nguyên du lịch nhân văn và tài nguyên du lịch tự nhiên trên địa bàn huyện một cách khoa học, hợp lý, đảm bảo phát triển du lịch bền vững. Tài nguyên du lịch nhân văn và tài nguyên du lịch tự nhiên là nguồn lực vô cùng quan trọng đối với sự phát triển du lịch, nó cũng góp phần vào việc quyết định sự phong phú và hấp dẫn của sản phẩm du lịch. Hiện nay, trên địa bàn huyện Kiến Thụy có nhiều nguồn tài nguyên để phát triển du lịch như núi Đồi, sông Đa Độ hay các di tích lịch sử, văn hóa đã được nhà nước và thành phố xếp hạng. Nhưng vẫn

đề đặt ra là khai thác những nguồn tài nguyên đó nhưng phải đi đôi với việc quy hoạch , bảo vệ hợp lý, tránh làm tổn hại đến nguồn tài nguyên.

- Kết hợp chặt chẽ giữa việc phát triển du lịch với việc phát triển kinh tế, xã hội của huyện, tạo nên sự phát triển tương hỗ giữa các ngành, giữa các địa phương trong huyện. Du lịch cũng là một ngành kinh tế, có sự tác động đến rất nhiều ngành kinh tế khác, vì vậy, phát triển du lịch nhưng đồng thời cũng lấy du lịch để thúc đẩy nền kinh tế của cả huyện cùng phát triển, chứ không phải chỉ đầu tư vào du lịch mà không đầu tư vào các ngành khác, nhằm tạo ra sự phát triển đồng đều. Đồng thời, cũng cần phải chú trọng đầu tư phát triển tất cả các xã trong huyện chứ không chỉ đầu tư vào các xã có tiềm năng về du lịch.
- Đảm bảo giữ gìn, tôn tạo cảnh quan thiên nhiên, di tích lịch sử văn hóa, môi trường thiên nhiên và xã hội. Chống mọi sự xâm hại các cảnh quan, các di tích lịch sử văn hóa, gây ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí theo đúng pháp luật của nhà nước. Đây là yêu cầu hết sức quan trọng, không chỉ cần thiết đối với ngành du lịch mà còn đối với tất cả các ngành kinh tế.
- Quy hoạch phải đảm bảo tính khả thi, phát triển du lịch từng bước có trọng điểm, đem lại hiệu quả kinh tế, xã hội thiết thực. Việc xây dựng quy hoạch tổng thể phải đi đôi với việc xây dựng quy hoạch chi tiết, để giúp cho việc chỉ đạo thực hiện phát huy được hiệu quả.
- Phân khu xác định trọng điểm. Việc phân khu các điểm du lịch sẽ giúp xác định được các sản phẩm du lịch đặc trưng của từng điểm, từ đó sẽ đề ra được những chính sách, những kế hoạch phát triển du lịch đạt được hiệu quả cao.

Việc xây dựng quy hoạch du lịch của huyện cần được phân khu chức năng rõ ràng, xác định rõ sản phẩm du lịch đặc trưng của từng phân khu, xác định rõ trọng điểm ưu tiên phát triển du lịch.

Phân cụm và xác định sản phẩm du lịch đặc trưng của từng cụm. Ở đây, đối với huyện Kiến Thụy, việc phân cụm có thể dựa vào vị trí địa lý và các tài nguyên du lịch. Về cơ bản có thể chia thành 3 cụm với những sản phẩm du lịch đặc trưng như sau:

➤ Cụm thị trấn Núi Đồi: Gồm núi Đồi và sông Đa Độ, chùa Linh Sơn, các chùa lân cận: chùa Cẩm La, chùa Cẩm Hoàn và các di tích lịch sử- công trình văn hóa phụ cận: Tượng phật Di Lặc, tượng Kim Sơn kháng Nhật, tượng cô gái miền biển, Văn miếu Xuân La...

Trong cụm này, sản phẩm du lịch đặc trưng được xác định là du lịch tín ngưỡng, du lịch văn hóa và du lịch sinh thái.

➤ Cụm di tích lịch sử phía Đông huyện: gồm các di tích như từ đường họ Mạc, đình Kim Sơn.

Trong cụm này, xác định du lịch thăm quan , nghiên cứu lịch sử, văn hóa là sản phẩm du lịch đặc trưng.

➤ Cụm di tích phía Tây huyện: gồm các di tích như đền Mỗ, chùa Trà Phương, chùa Hòa Liễu, chùa Lạng Côn.

Ở cụm này, xác định sản phẩm du lịch đặc trưng là du lịch tín ngưỡng và du lịch thăm quan , tìm hiểu lịch sử, văn hóa.

Việc xác định và phân chia thành các phân khu như vậy sẽ giúp cho việc đề ra những chính sách phát triển du lịch hợp lý, phù hợp với từng loại sản phẩm du lịch, đem lại hiệu quả cao.

Hiện nay việc phát triển du lịch phải được tiến hành từng bước, cần phải đầu tư xây dựng cơ sở vật chất phục vụ du lịch, tạo cảnh quan đẹp, hợp lý mới thu hút được khách du lịch.

* Xác định trọng điểm du lịch: Với điều kiện tự nhiên thuận lợi, truyền thống lịch sử lâu đời, tài nguyên du lịch hiện có nên ở huyện Kiến Thụy có nhiều - u thế về du lịch được coi là trọng điểm.

Vậy vì sao phải xác định trọng điểm du lịch? Để phát triển du lịch đạt hiệu quả cao, hơn nữa với vốn đầu tư có hạn, thị trường khách không ổn định như hiện nay, rất cần phải xác định trọng điểm để tập trung đầu tư mọi nguồn lực, thực hiện chiến dịch tuyên truyền, quảng bá, thu hút khách. Từ đó dần dần từng bước phát triển du lịch ra những điểm du lịch khác trên địa bàn huyện.

Tiêu chí để xác định trọng điểm du lịch là:

- Có tài nguyên du lịch hấp dẫn. Đây có thể coi là yếu tố vô cùng quan trọng. Tài nguyên du lịch phải phong phú, có sức hấp dẫn thì mới thì mới quyết định đến việc có phát triển được du lịch hay không.
- Giao thông đi lại phải thuận tiện. Có tài nguyên du lịch hấp dẫn song giao thông lại không tiện lợi thì du khách cũng không thể đến thăm quan được. Vì vậy muốn phát triển du lịch thì trước hết cũng cần phải hoàn thiện hệ thống đường giao thông, tạo thuận tiện cho việc đi lại và vận chuyển của khách.
- Có cơ sở vật chất kỹ thuật nhất định phục vụ khách du lịch như nhà hàng, khách sạn, khu vui chơi giải trí, mua đồ lưu niệm... Vì du khách đi du lịch không chỉ nhằm một mục đích đơn thuần là thăm quan tìm hiểu, mà còn để sử dụng các dịch vụ khác tại nơi họ đến thăm. Các cơ sở vật chất này nhằm giúp cho chuyến du lịch của khách được hoàn thiện. Nếu không phát triển và xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật thì cũng không thể thu hút được du khách.

- Bước đầu đã có khách du lịch đến thăm các điểm đó.

4.2.2. Xây dựng chùa Linh Sơn và các di tích lịch sử- công trình văn hóa phụ cận trở thành trọng điểm du lịch huyện Kiến Thụy.

Trên cơ sở phân chia các điểm du lịch ra thành từng cụm, căn cứ vào tiêu chí đã nêu như trên, sau khi khảo sát thực tế, đã tiến hành xác định cụm du lịch chùa Linh Sơn và các di tích lịch sử- công trình văn hóa phụ cận là trọng điểm du lịch của huyện Kiến Thụy trong thời gian trước mắt hiện nay.

* Vì sao lại chọn chùa Linh Sơn và các di tích lịch sử- công trình văn hóa phụ cận làm trọng điểm du lịch của huyện?

Có thể nói chùa Linh Sơn và các di tích lịch sử- công trình văn hóa tại thị trấn Núi Đồi là nguồn tài nguyên du lịch nhân văn vô cùng độc đáo và hấp dẫn cho hoạt động du lịch của huyện. Chùa Linh Sơn với 49 pho tượng La Hán được tạc bằng đá như hiện nay, cùng với cảnh sắc chùa trên núi Đồi bên dòng sông Đa Độ là 2 điểm đến hấp dẫn. Hệ thống tượng này là khá độc đáo so với các điểm du lịch khác trong thành phố Hải Phòng. Có lẽ đối với Việt Nam, sau chùa Bái Đính, thì chỉ có ở chùa Linh Sơn mới có bộ tượng La Hán tạc bằng đá, nhiều hình dáng khác nhau, to như người thật độc đáo như thế này. Và trong tương lai, bộ tượng này sẽ được tạc hoàn thiện hơn càng làm tăng thêm tính hấp dẫn của chùa Linh Sơn đối với du khách.

Nằm ở vị trí trung tâm của thị trấn Núi Đồi, có thể nói giao thông đi lại đến những điểm du lịch này là vô cùng thuận lợi. Đường rộng, thoáng, thuận tiện không chỉ từ trong thành phố và các địa phương lân cận đến các điểm này mà còn đến nhiều điểm du lịch nổi tiếng khác như: Từ đường họ Mạc, chùa Trà Phương, chùa Mõ...hay đi Đồ Sơn- điểm du lịch nổi tiếng của thành phố. Rồi tới đây, khi cây cầu Khuê hoàn thành, từ Kiến Thụy cũng sẽ rất dễ dàng và thuận tiện để đi bằng đường bộ tới suối nước khoáng nóng Tiên Lãng, Núi

Voi (huyện An Lão), khu di tích Trạng trình Nguyễn Bình Khiêm (huyện Vĩnh Bảo), tạo thành những tuyến du lịch hấp dẫn.

Về cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch, ở trung tâm thị trấn Núi Đồi hiện nay cũng đã xây dựng được một số nhà nghỉ, nhà hàng ăn uống chợ huyện, vừa phục vụ nhân dân địa phương, vừa phục vụ khách du lịch. Đồng thời, xây dựng một số điểm vui chơi giải trí như bến du thuyền trên sông Đa Độ... Mặc dù bước đầu số lượng còn ít, chất lượng còn chưa cao, song đây cũng là cơ sở và điều kiện để xây dựng thị trấn Núi Đồi trở thành trọng điểm du lịch.

Ở chùa Linh Sơn và các di tích, công trình văn hóa lân cận như tượng phật Di Lạc, tượng Kim Sơn kháng Nhật..., đã có một số khách quốc tế và nội địa đến thăm quan và văn cảnh. Khách sạn Harbourview trong thành phố thường đưa khách quốc tế về thăm quan các điểm du lịch này trong tuyến Hải Phòng- Đồ Sơn bằng xe đạp.

Chính những điều kiện thuận lợi như trên, nên đã xác định thị trấn Núi Đồi với các điểm du lịch như sau trở thành điểm du lịch trọng điểm:

- Chùa Linh Sơn.
- Tượng Phật Di Lạc bên bờ sông Đa Độ.
- Tượng Kim Sơn kháng Nhật.
- Văn miếu Xuân La.
- Các chùa lân cận trong vòng bán kính 500m.
- Các công trình văn hóa phụ cận: Lâu Rông, nhà sàn và tượng cô gái miền biển, bến đỗ du thuyền và 18 con Rông trám sứ.

4.2.3. Tiếp tục đầu tư, hoàn thiện trọng điểm du lịch của huyện

Chùa Linh Sơn và các di tích lịch sử- công trình văn hóa phụ cận trong tương lai sẽ là những điểm đến thu hút nhiều du khách. Nhưng muốn phát huy

hơn nữa vai trò và giá trị của các điểm du lịch này thì cần phải có các biện pháp tu tạo, bảo vệ và khai thác hợp lý.

Chùa Linh Sơn là ngôi chùa mới được xây dựng nên từ nay đến khi hoàn thành còn có rất nhiều công trình tiếp tục được xây dựng, như hiện nay chưa có bãi đỗ xe mà trước nhà khách của chùa chỉ có một khoảng sân hẹp thì sẽ không đủ phục vụ cho những đoàn khách lớn với số lượng xe nhiều. Đồng thời nhà vệ sinh thì số lượng còn ít, chất lượng chưa cao. Vì vậy rất cần phải mở rộng thêm diện tích của chùa để xây dựng thêm bãi đỗ xe, thùng rác và nhà vệ sinh hợp vệ sinh, xây dựng hệ thống điện nước đầy đủ. Bên cạnh đó, xin kiến nghị các cấp chính quyền và nhà chùa nên cho làm lại cổng chùa theo kiểu tam quan truyền thống chứ không phải là cổng theo kiểu hiện đại như bây giờ.

Tượng Di Lặc bên bờ sông Đa Độ cần được xây dựng hàng rào bao quanh để bảo vệ không để cho những người đến thăm quan vẽ bậy và trèo lên tượng, nhưng hàng rào cần thoáng và có hoa văn đẹp, tránh làm hàng rào quá dày gây phản cảm cho du khách. Đồng thời, phải thường xuyên tu tạo để làm mất đi những vết nứt trên tượng. Bên cạnh đó, cần lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng, hắt ánh sáng từ dưới lên, như vậy sẽ làm cho công trình trở lên đẹp hơn mà du khách vẫn có thể thăm quan vào buổi tối

Tượng Kim Sơn cần được làm lại to hơn, hoặc đặt trên bệ cao hơn vì bị các nhà xung quanh lấn chiếm diện tích làm hạn chế không gian của tượng. Đồng thời cần xây dựng hệ thống đèn điện chiếu sáng hắt ánh sáng từ dưới lên để du khách vẫn có thể thăm quan được vào buổi tối.

Đối với văn miếu Xuân La, kiến nghị việc bổ sung các hiện vật của văn miếu, xin lại 2 bia đá hiện đang được đặt tại bảo tàng Hải Phòng. Phục dựng lại các trụ đá, dựng lại văn miếu có cột bằng đá. Đồng thời cần mở rộng thêm đường vào Văn miếu để thuận lợi cho việc giao thông, đi lại, vì hiện nay

đường vào Văn miếu chỉ là con đường liên thôn rất nhỏ và hẹp, xe ô tô không thể vào được. Đồng thời cần hoàn thiện hệ thống điện, nước, các thiết bị phục vụ vệ sinh, môi trường.

Lầu Rồng cần phải mở cửa hàng ngày để du khách và người dân địa phương vào hóng mát, ngắm cảnh, cần đưa vào sử dụng luôn chứ không đóng cửa như bây giờ. Đồng thời cần cho lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng, đèn điện nháy trên mỗi giáp mái của Lầu tạo vẻ đẹp thẩm mỹ.

Nhà sàn và tượng cô gái miền biển cần thường xuyên tu tạo, sửa chữa để không bị xuống cấp.

Bến đỗ du thuyền cần đầu tư các loại thuyền để phát triển loại hình du lịch sinh thái trên sông Đa Độ, du lịch chèo thuyền...

Bên cạnh đó, tại mỗi điểm du lịch này cần dẹp ngay các hàng quán bán rong, quy hoạch hợp lý các cửa hàng bán đồ lưu niệm, bán hàng phục vụ khách du lịch, có sự quản lý của ban quản lý và các cấp chính quyền, địa phương.

4.2.4. Xây dựng một số tuyến du lịch lấy chùa Linh Sơn và các di tích lịch sử- công trình văn hóa phụ cận làm trọng điểm.

Ở thị trấn Núi Đồi- trung tâm huyện Kiến Thụy giao thông đi lại thuận tiện, có khoảng cách vừa phải với các di tích lịch sử văn hóa ở các xã lân cận, nên từ đây có thể xây dựng một số tuyến du lịch nghỉ cuối tuần lấy chùa Linh Sơn và các di tích lịch sử- công trình văn hóa phụ cận làm trọng điểm, du khách có thể đi thăm quan các điểm du lịch này trong vòng 1 hoặc 2 ngày.

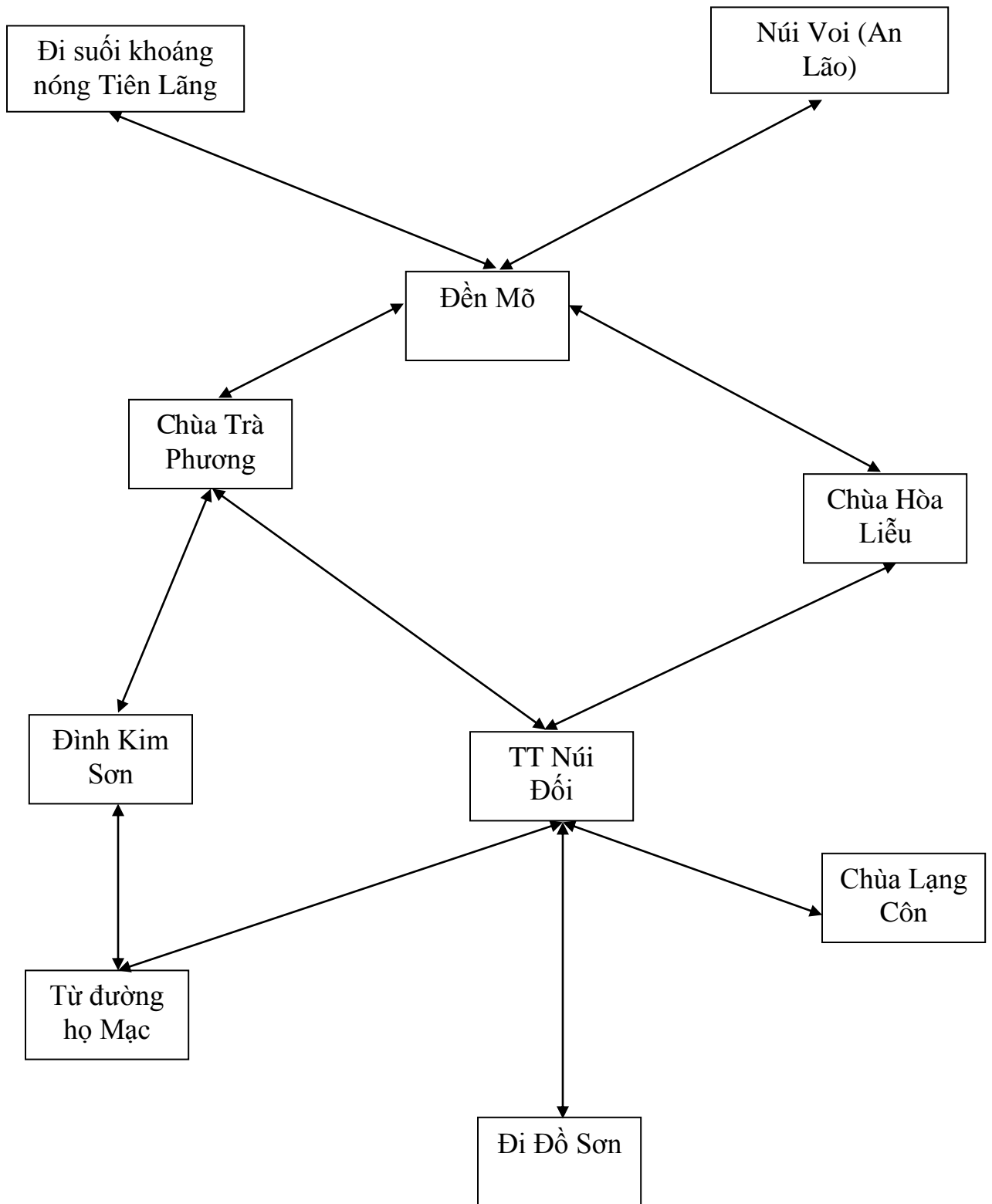
+ Tuyến du lịch chùa Linh Sơn và các di tích lịch sử- công trình văn hóa phụ cận – chùa Hòa Liễu – đền Mỗ – chùa Trà Phương. Với tour này, buổi sáng, du khách sẽ lên núi Đồi ngắm cảnh và lễ Phật ở chùa Linh Sơn, sau đó sẽ đi thăm chùa Hòa Liễu và đền Mỗ. Sau khi ăn trưa và nghỉ ngơi, du khách tiếp tục đi thăm chùa Trà Phương. Sau đó du khách sẽ ngược trở về thị

trần Núi Đồi, trên đường sẽ ghé thăm văn miếu Xuân La. Về thị trấn, du khách cùng dạo mát bên bờ sông Đa Độ, chiêm ngưỡng tượng cô gái miền biển, tượng Kim Sơn kháng Nhật và bức tượng Phật to lớn tọa lạc bên bờ sông và chụp ảnh lưu niệm tại đây.

+ Tuyến du lịch chùa Linh Sơn và các di tích lịch sử- công trình văn hóa phụ cận – Đình Kim Sơn – Từ đường họ Mạc. Sau khi tham quan chùa Linh Sơn, du khách sẽ đi thăm đình Kim Sơn, cùng tham gia lễ hội vật cầu Kim Sơn độc đáo và hấp dẫn. Sau đó du khách thăm quan và thắp hương tại từ đường họ Mạc, cùng tìm hiểu về lịch sử và những công lao đóng góp của dòng họ này đối với sự phát triển của đất nước. Trở về thị trấn, du khách cùng đi thăm văn miếu Xuân La, chèo thuyền trên dòng sông Đa Độ và ngắm nhìn cảnh vật 2 bên bờ sông..

+ Ngoài ra, cũng xây dựng tuyến du lịch nối chùa Linh Sơn và các di tích lịch sử- công trình văn hóa với các địa phương lân cận.

- Tuyến du lịch đi bằng xe đạp từ trung tâm thành phố - chùa Lạng Côn – chùa Linh Sơn và các di tích lịch sử- công trình văn hóa phụ cận – Đò Sơn – trung tâm thành phố. Đây là tuyến du lịch dài nếu đi bằng xe đạp nên được thực hiện trong 2 ngày, vừa kết hợp du lịch biển và du lịch văn hóa.
- Tuyến du lịch chùa Linh Sơn và các di tích lịch sử- công trình văn hóa phụ cận – Núi Voi (An Lão).
- Tuyến du lịch chùa Linh Sơn và các di tích lịch sử- công trình văn hóa – suối khoáng nóng Tiên Lãng – Khu di tích đền Trạng trình Nguyễn Bình Khiêm (Vĩnh Bảo).



Có thể nói đây là những tuyến du lịch được xây dựng hợp lý, cả về quãng đường và thời gian, đi thăm các điểm theo một đường thẳng và liên tục, không có sự lặp lại. Như vậy du khách vừa tiết kiệm được thời gian vừa có thể ngắm nhìn được phong cảnh bên đường- những làng quê thanh bình. Điều này sẽ làm cho chuyến du lịch của du khách thêm thú vị, kết hợp với những khoảng không gian rộng lớn, không khí thoáng mát trong lành vì đất đai ở đây phần lớn vẫn là đồng ruộng.

4.2.5. Quảng bá cho trọng điểm du lịch của huyện.

Việc tuyên truyền, quảng bá các trọng điểm du lịch của huyện Kiến Thụy đến với du khách là việc làm hết sức quan trọng và cần được tiến hành thường xuyên, bởi vì sản phẩm du lịch mang tính chất địa phương, tại chỗ, nó không thể tự di chuyển đến các nơi khác như các loại hàng hóa thông thường. Vì vậy, muốn thu hút được du khách đến với các điểm du lịch này, thì phải giới thiệu cho du khách biết về nó. Chính vì thế, cần thực hiện tốt công tác tuyên truyền, quảng bá để du khách biết đến các điểm du lịch ở đây. Việc quảng bá có thể thực hiện bằng nhiều cách:

- Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng như tivi, báo, đài, truyền hình...Hiện nay, các phương tiện thông tin đại chúng trở lên rất phổ biến trong cuộc sống, hàng ngày con người đều cập nhật các thông tin từ những phương tiện này, nên hiệu quả của công tác tuyên truyền, quảng bá sẽ rất cao. Ngày càng có nhiều chương trình nhằm quảng bá cho ngành du lịch như : Việt Nam vẻ đẹp tiềm ẩn...
- Quảng cáo thông qua việc mở các trang web trên mạng Internet. Trước hết có thể đưa các thông tin về du lịch lên trang web của thành phố, sau đó sẽ xây dựng một trang web riêng của huyện để chủ động hơn trong việc cung cấp các thông tin, song

song với đó, cần thường xuyên cập nhật những thông tin mới, tránh tình trạng thông tin bị cũ, không chính xác.

➤ In ấn các tài liệu, tờ rơi, tập gấp, tờ bướm...Hoặc có thể đầu tư kinh phí xây dựng những thước phim về du lịch của huyện trong đó đặc biệt nhấn mạnh vào những điểm du lịch trọng điểm, có nhiều tiềm năng và thế mạnh.

➤ Quảng cáo thông qua khách du lịch, người dân địa phương. Việc tuyên truyền theo cách này cũng đem lại hiệu quả rất lớn, bởi vì nó là cách truyền đạt và tiếp nhận thông tin một cách trực tiếp. Nếu ấn du khách đã một lần đến điểm du lịch mà có ấn tượng tốt về nó thì họ sẽ là những người tuyên truyền tự nguyện về điểm du lịch đến cho người khác.

4.2.6. Tổ chức dịch vụ du lịch tại trọng điểm du lịch của huyện.

Muốn phát triển du lịch thì bên cạnh việc đầu tư, nâng cấp, cải tạo các di tích, các công trình, thì cũng cần đẩy mạnh việc xây dựng và tổ chức các công trình phục vụ nhu cầu đa dạng của khách du lịch như ăn, nghỉ, vui chơi giải trí, mua sắm...

➤ Xây dựng thêm các khách sạn, nhà nghỉ đạt yêu cầu và tiêu chuẩn của Tổng cục du lịch. Hiện nay ở thị trấn Núi Đồi cũng có một số nhà nghỉ, nhà hàng vừa phục vụ cho khách địa phương, vừa phục vụ cho khách du lịch, nhưng số lượng còn ít, chất lượng lại chưa cao. Vì vậy bên cạnh việc thường xuyên nâng cấp các cơ sở này, huyện cũng cần xây dựng mới thêm để phục vụ nhu cầu của du khách. Đồng thời nên chuyển một số công sở thành khách sạn quy mô nhỏ như Phòng xã hội tài chính huyện 3 tầng có khá nhiều phòng ngay sát tượng phật Di Lặc bên bờ sông Đa Độ. Như vậy vừa không phải mất thời gian và công sức vào việc xây

mới lại vừa có được vị trí thuận lợi cho việc thăm quan, ngắm cảnh của du khách.

- Xây dựng thêm cơ sở vật chất phục vụ nhu cầu vui chơi giải trí cho du khách như bến thuyền, đầu tư nhiều loại thuyền to, nhỏ nhiều hình dáng và kích cỡ, có thể chèo máy, chèo tay, có mẫu mã đẹp, chất lượng tốt hấp dẫn du khách
- Mở thêm nhiều loại hình du lịch mới như đạp vịt, bơi, lướt ván, câu cá...
- Cải thiện dịch vụ ăn uống, xây dựng một số nhà 2 tầng gần chùa Linh Sơn trở thành cơ sở phục vụ du lịch.
- Mở rộng và phát triển các cửa hàng hay trung tâm thương mại phục vụ cho nhu cầu mua sắm của du khách. Hiện nay ở thị trấn Núi Đồi mới chỉ có chợ Núi Đồi và cửa hàng bách hóa tổng hợp 2 tầng là nơi buôn bán và mua sắm của người dân địa phương.
- Bên các công trình văn hóa hay trong các di tích lịch sử, cần xây dựng và lắp đặt hệ thống bảng biểu hướng dẫn về các điểm du lịch đó cho du khách biết để họ có được những thông tin nhất định khi đến thăm các điểm này.
- Lãnh đạo huyện cũng cần có những chính sách khuyến khích các nhà đầu tư vào hoạt động du lịch, có những chính sách xã hội hóa dịch vụ du lịch như cấp đất, miễn thuế...

4.2.7. Đào tạo lao động dịch vụ du lịch và giáo dục người dân địa phương về phát triển du lịch.

Du lịch hiện nay đang là một ngành kinh tế mang tính chất tổng hợp và xã hội hóa cao, đòi hỏi một nguồn lao động số lượng nhiều, chất lượng cao.

Đối với Hải Phòng nói chung và huyện Kiến Thụy nói riêng, muốn phát

triển du lịch tại địa phương, yêu cầu quan trọng được đặt ra lúc này là phải đào tạo những người lao động có kiến thức, có chuyên môn và yêu ngành nghề du lịch. Vì thế, đòi hỏi huyện phải có những biện pháp và chính sách:

- Xây dựng đội ngũ hướng dẫn viên và thuyết minh viên tại điểm, có thể chọn lựa từ những người đã tốt nghiệp Đại học, Cao đẳng chuyên ngành văn hóa du lịch, hoặc có thể là những người chưa tốt nghiệp đại học hay người dân địa phương nhưng có sự hiểu biết về truyền thống văn hóa của địa phương mình.
- Tuyển sinh các lớp đào tạo nghề về bàn, bar, bếp, buồng... rồi gửi vào học trong các trường dạy nghề, cao đẳng đại học chuyên ngành du lịch.
- Giáo dục người dân địa phương có ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường, bảo tồn gìn giữ các di tích, công trình và các giá trị văn hóa truyền thống, xây dựng đời sống văn hóa lành mạnh, văn minh trong quan hệ với mọi người gây được ấn tượng tốt đẹp trong lòng du khách. Việc giáo dục người dân địa phương có nhiều hình thức, có thể thông qua đài phát thanh của huyện hàng ngày kết hợp với các đoàn thể quần chúng để giáo dục ý thức phục vụ du lịch. Có thể mở các cuộc thi tìm hiểu về du lịch trong các trường từ bậc tiểu học đến bậc trung học. Xây dựng bảng biểu cổ động, tuyên truyền cho du lịch.

4.3. Một số kiến nghị

Trong những năm gần đây, loại hình du lịch văn hóa đang được khôi phục nhanh chóng cả về số lượng lẫn chiều sâu, thu hút sự quan tâm của toàn xã hội. Những kinh nghiệm quý báu về những cái tốt và cả những cái chưa tốt sẽ giúp cho các nhà quản lý về văn hóa xã hội, các cấp chính quyền địa phương có sự điều chỉnh để phát huy chất lượng và hiệu quả cao hơn.

Trước khi ban hành ra các quy chế hay luật định thì ý kiến của các nhà nghiên cứu văn hóa về vấn đề này cũng đáng được các ngành, các cấp tham khảo. Rất cần có sự phối hợp thường xuyên giữa các cơ quan quản lý và các cơ quan nghiên cứu khoa học, đồng thời mở các cuộc hội thảo về văn hóa truyền thống từ trung ương đến địa phương.

Xin kiến nghị với UBND huyện Kiến Thụy:

- Khẩn trương tiến hành xây dựng quy hoạch tổng thể, quy hoạch chi tiết và xác định cho trọng điểm du lịch của huyện.
- Đầu tư về cơ sở vật chất kỹ thuật và nhân lực cho các trọng điểm tăng khả năng thu hút khách.
- Có các chính sách ưu đãi cho những người tham gia vào sự phát triển du lịch của huyện.

Xin kiến nghị với UBND thành phố Hải Phòng và Sở văn hóa thể thao và du lịch:

- Sớm duyệt kế hoạch quy hoạch tổng thể và quy hoạch chi tiết và xác định trọng điểm du lịch của huyện Kiến Thụy.
- Trích ngân sách đầu tư cho cơ sở hạ tầng để phát triển du lịch của huyện, nhất là ở trọng điểm du lịch.
- Hỗ trợ việc kêu gọi đầu tư, tuyên truyền quảng bá cho trọng điểm du lịch của huyện.

KẾT LUẬN

Ngày nay, khi nền kinh tế phát triển mạnh mẽ, nhu cầu đi du lịch của con người đang trở thành nhu cầu không thể thiếu trong cuộc sống. Bên cạnh loại hình du lịch sinh thái, thì loại hình du lịch văn hóa đang thu hút một lượng lớn du khách. Chính vì vậy song song với việc bảo tồn, gìn giữ và phát huy nền văn hóa truyền thống, cũng cần phải tìm ra và lưu giữ những giá trị văn hóa mới. Chùa Linh Sơn ở thị trấn Núi Đồi huyện Kiến Thụy là một ngôi chùa mới được xây dựng, tuy không có nhiều giá trị về lịch sử nhưng nó lại có giá trị cao về mặt thẩm mỹ, văn hóa và tín ng- ỡng. Bên cạnh đó, những di tích lịch sử- công trình văn hóa phụ cận chùa Linh Sơn cũng là những điểm du lịch văn hóa hấp dẫn, đã và đang thu hút nhiều du khách đến tham quan, nghiên cứu và tìm hiểu.

Trong khuôn khổ khóa luận này, do thời gian không có nhiều nên em chưa có nhiều điều kiện để tìm hiểu tiềm năng của chùa Linh Sơn và các di tích lịch sử- công trình văn hóa phụ cận cũng như đề ra các giải pháp để xây dựng các di tích và công trình này trở thành trọng điểm du lịch huyện Kiến Thụy. Vì vậy đề tài của em sẽ không thể tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong sẽ nhận được những ý kiến đóng góp, nhận xét của các thầy, cô giáo, các nhà nghiên cứu để khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Để khóa luận được hoàn thành, em đã nhận được rất nhiều sự giúp đỡ về chuyên môn và kiến thức từ nhiều phía. Em xin gửi lời cảm ơn tới lãnh đạo Phòng văn hóa huyện Kiến Thụy, Ban quản lý các di tích, Đại đức trụ trì chùa Linh Sơn đã cung cấp cho em những tài liệu bổ ích. Em xin cảm ơn các thầy cô giáo trong khoa Văn hóa du lịch trường Đại học Dân lập Hải Phòng đã giảng dạy và cung cấp cho em những kiến thức cơ bản trong suốt thời gian em theo học tại trường. Đặc biệt em xin gửi lời cảm ơn chân thành của mình tới Tiến sĩ Tạ Duy Trinh- người thầy đã định hướng đề tài và hướng dẫn tận tình để em hoàn thành khóa luận này.

Hải Phòng, ngày 06 tháng 06 năm 2009
